



VIETFUND
MANAGEMENT

VF1 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

VF1

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 ccq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết & giao dịch	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,08%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ccq	Chứng chỉ quỹ
Cổ phiếu OTC	Cổ phiếu chưa niêm yết
Công ty CP/ CTCP	Công ty Cổ phần
Công ty VFM/ Công ty Quản lý Quỹ VFM	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
HNX-Index	Chỉ số HNX-Index
NAV	Giá trị tài sản ròng
QI/2010	Quý I/2010
Quỹ đầu tư VF1	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Quỹ VF2	Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam
Quỹ đầu tư VF4	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Quỹ đầu tư VFA	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam
SGDCK Hà Nội/ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
SGDCK Tp.HCM/ HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
TMCP	Thương mại cổ phần
Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND Tp.HCM	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
UPCOM	Thị trường giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết
VN-Index	Chỉ số VN-Index

MỤC LỤC

Điểm tài chính nổi bật	5
Phát biểu của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	6
Phát biểu của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	7

Tình hình hoạt động của Quỹ

Kế hoạch hoạt động năm 2010	8
Báo cáo giá trị tài sản ròng (NAV)	9
Danh mục đầu tư	10
Tình hình giải ngân	12
Tình hình thanh toán	14
Kết quả hoạt động của Quỹ	16
Danh mục đầu tư điển hình	19

Hoạt động Ban Đại diện Quỹ

Giới thiệu Ban Đại diện Quỹ	32
Các hoạt động của Ban Đại diện Quỹ trong năm 2010	34

Công ty VFM

Giới thiệu về công ty VFM	36
Sản phẩm và dịch vụ	40
Các sự kiện và hoạt động xã hội trong năm 2010	44
Hoạt động chăm sóc nhà đầu tư	47

Báo cáo tài chính	51
--------------------------	-----------

ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2010	2009	2008	2007	2006	2005	2004
Quy mô Quỹ (tỷ đồng)	1.000	1.000	1.000	1.000	500	300	300
NAV (tỷ đồng)	2.276,3*	2.479,9	1.697,0	3.837,1	1.564,1	381,6	304,5
NAV/ccq (đồng)	22.763*	24.799	16.970	38.371	31.281	12.718	10.158
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng)	26.300	29.158	37.569	52.041	33.552	12.850	10.158
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng)	20.230	15.423	16.313	33.042	12.957	10.121	10.000
Chi phí (%)	2,1	2,15	1,9	2,3	14,0	4,0	1,5
Vòng quay vốn đầu tư (%)	50,4	63,1	17,9	19,4	45,7	51,5	53,7
Tăng trưởng năm (%)	(8,2)	46,1	(52,6)	28,1	157,8	27,7	1,6
<i>VN-Index</i>	(2,0)	56,8	(66,0)	23,3	144,5	28,5	(8,5)
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (%)	127,6	160,0	81,7	300,7	227,8	29,7	1,6
<i>VN-Index</i>	85,3	89,1	20,7	254,4	187,4	17,6	(8,5)
	1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	Từ khi thành lập (20/05/2004)
Tăng trưởng lũy kế (%)							
<i>NAV</i>	(8,2)	34,1	(40,7)	(27,2)	79,0	124,1	127,6
<i>VN-Index</i>	(2,0)	53,6	(47,7)	(35,5)	57,6	102,5	85,3
Tăng trưởng bình quân (%)							
<i>NAV</i>	13,7	19,3	14,5	50,1	63,4	20,1	3,9
<i>VN-Index</i>	10,1	12,5	4,4	44,8	54,8	12,1	(19,2)

Ghi chú:

(*) NAV đã bao gồm cổ tức 1.500 đồng/ccq đã được thanh toán trong năm 2010.

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

"Dự báo TTCK Việt Nam năm 2011 sẽ có triển vọng tích cực, do đó chiến lược chung của Quỹ sẽ tiếp tục đi theo định hướng đầu tư giá trị. Chúng tôi tin rằng năm 2011, Quỹ đầu tư VF1 sẽ hoàn thành tốt mục tiêu đề ra."

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Năm 2010, tuy cuộc khủng hoảng kinh tế đã đi qua nhưng vẫn còn những tác động đến nhiều lĩnh vực, trong đó TTCK trải qua nhiều thăng trầm hoặc diễn biến theo chiều đi ngang. Hơn nữa, trong xu thế giảm chung của toàn thị trường, một số ít cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhưng thanh khoản kém đã đẩy VN-Index tăng điểm, chưa phản ánh đúng biến động của chỉ số này và gây ảnh hưởng lớn đến việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ đầu tư nói chung và Quỹ đầu tư VF1 nói riêng.

Trước những khó khăn và thử thách đó, Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 cùng Ban Điều hành Quỹ đã kịp thời đề ra định hướng đầu tư hợp lý cho Quỹ nhằm đảm bảo được sự tăng trưởng ổn định và tối ưu nhất cho nhà đầu tư.

Sau khi hoàn thành kế hoạch trả cổ tức năm 2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 cho nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ đã cân nhắc thận trọng về định hướng hoạt động của Quỹ trong năm 2010. Theo đó, Quỹ đã duy trì mức tăng trưởng NAV quanh mức tăng trưởng VN-Index, tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết và tiền mặt, giảm tỷ trọng cổ phiếu OTC, và duy trì linh hoạt theo diễn biến của thị trường. Do đó, cơ cấu phân bổ tài sản trong danh mục Quỹ đã được thay đổi cho phù hợp với xu hướng thị trường. Đồng thời, Quỹ đầu tư VF1 luôn năng động tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới vào năm 2010. Sự phân bổ ngành nghề và cơ cấu tài sản hợp lý trong danh mục đã giúp NAV của Quỹ một lần nữa đạt tăng trưởng tốt trong 6 tháng đầu năm 2010. Tuy nhiên, với diễn biến thị trường kém thuận lợi vào cuối năm, giá trị NAV của Quỹ giảm chủ yếu do mức chênh lệch ở giá chứng khoán chưa thực hiện (unrealized gain).



Chúng tôi dự báo TTCK Việt Nam năm 2011 sẽ có triển vọng tích cực, do đó chiến lược chung của Quỹ sẽ tiếp tục đi theo định hướng đầu tư giá trị. Trong đó, Quỹ sẽ duy trì tỷ trọng cổ phiếu niêm yết ở mức hợp lý, trong đó tập trung phần lớn vào cổ phiếu có vốn hóa lớn và phân bổ một phần giá trị tài sản của danh mục vào trái phiếu chuyển đổi. Ngành nghề tập trung trong năm 2011 vẫn là các ngành Bán lẻ, Dịch vụ Viễn thông, Bất động sản, Năng lượng, Hàng hóa Công nghiệp, và Vật liệu Khai khoáng. Quỹ sẽ tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết hoặc sắp niêm yết dưới vai trò cổ đông chiến lược thông qua các đợt phát hành riêng lẻ. Ngoài ra, chương trình cổ phần hóa dự kiến tái khởi động trong năm, trong đó có các doanh nghiệp lớn, đầu ngành sẽ là cơ hội để Quỹ đầu tư VF1 giải ngân trong thời gian tới.

Với những định hướng cụ thể, chúng tôi tin rằng năm 2011 sẽ là năm TTCK chuyển biến tích cực và Quỹ đầu tư VF1 hoàn thành tốt mục tiêu đề ra.

Trân trọng,

LƯU ĐỨC KHÁNH

Chủ tịch Ban Đại diện

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



"Để chuẩn bị cho một chu kỳ tăng trưởng mới, chúng tôi đã chủ động thực hiện chương trình tái cấu trúc công ty, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao tập trung phục vụ cho công tác đầu tư."

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Năm 2010 khép lại với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn kế hoạch dự kiến (đạt 6,7%) nhưng chất lượng tăng trưởng chưa tốt như kỳ vọng. Chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô bất ổn, TTCK Việt Nam trong năm qua diễn biến không thuận lợi, trong đó dòng tiền vào chứng khoán bị hạn chế một phần bởi do các yếu tố tâm lý, tỷ giá và chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, v.v....

Theo dõi sự tăng trưởng Index từ đầu năm 2010, trong khi TTCK các nước trong khu vực đều tăng trưởng thì ngược lại TTCK Việt Nam giảm, đi ngược với xu hướng. Vì vậy, công ty VFM đã xác định yếu tố ổn định là yếu tố quan trọng, được đặt lên hàng đầu để duy trì các hoạt động đầu tư. Vào cuối năm, phần lớn các mã cổ phiếu niêm yết hầu như đều giảm điểm hoặc tăng ít nhưng VN-Index vẫn tăng điểm bởi một số mã cổ phiếu có mức vốn hóa lớn, chiếm tỷ trọng cao trong rổ Index nhưng thanh khoản kém đã làm ảnh hưởng đáng kể đến biến động của chỉ số này và tác động đến việc đánh giá kết quả hoạt động của các quỹ đầu tư.

Trong năm qua, việc thao túng giá của một số cổ phiếu đã gây trở ngại lớn cho hoạt động đầu tư lành mạnh, chuyên nghiệp của các nhà đầu tư nói chung và của các quỹ đầu tư trong nước nói riêng. Công ty VFM cùng với Ban Đại diện quỹ, Hội đồng đầu tư đã cố gắng duy trì mức tăng trưởng NAV của Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2010 xoay quanh mức tăng trưởng của VN-Index, duy trì tỷ lệ tiền mặt linh động và thận trọng xem xét thực hiện giải ngân và thanh toán hợp lý.

Bước sang năm 2011, với sự quyết tâm của Chính phủ trong việc điều tiết vĩ mô hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh và thu hút cho dòng vốn FII trở lại thị trường. Do đó, với mức

định giá P/E thấp của cổ phiếu Việt Nam hiện nay, chúng tôi tin rằng TTCK Việt Nam sẽ khả quan hơn. Trong đó, chúng tôi cũng kỳ vọng dòng vốn nước ngoài sẽ bắt đầu đổ vào TTCK trong thời gian sắp tới. Như vậy, nếu nhìn một cách tổng quan, TTCK biến động theo từng chu kỳ, trong đó thị trường năm vừa qua theo chiều hướng đi xuống. Sang năm 2011, mặc dù sự dao động của thị trường sẽ vẫn còn nhưng có thể theo xu hướng đi lên.

Để chuẩn bị cho một chu kỳ tăng trưởng mới, trong năm qua công ty VFM chúng tôi đã chủ động thực hiện chương trình tái cấu trúc công ty, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao tập trung phục vụ cho công tác đầu tư. Bên cạnh đó, việc chú trọng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược mới là các tổ chức có tiềm lực trong ngành tài chính khác cộng với sự hậu thuẫn vững mạnh của công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital sẽ giúp cho công ty VFM tận dụng tối đa nguồn lực, chuyên môn và kinh nghiệm thị trường để phát triển hoạt động cốt lõi của công ty trong thời gian tới.

Thay mặt công ty VFM, tôi chân thành cảm ơn Quý nhà đầu tư, Ban Đại diện đã ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua.

Trân trọng,



TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc

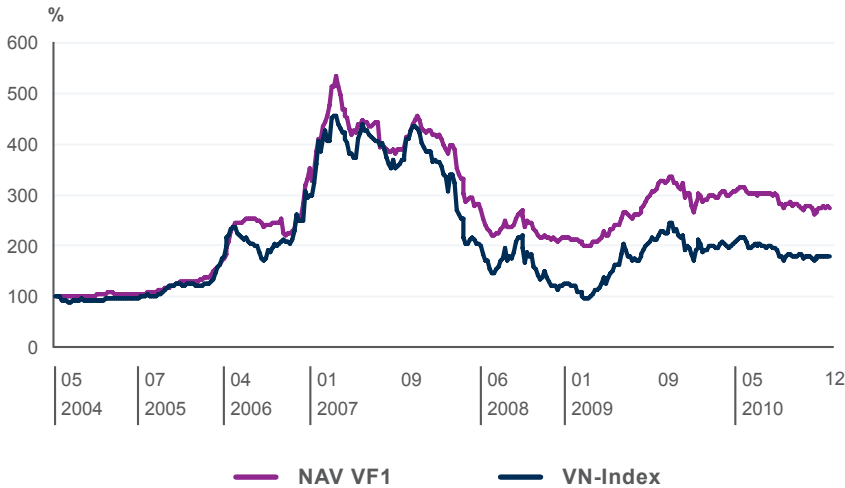
Kế hoạch hoạt động năm 2010

Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2010 đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2010, theo đó, Quỹ đầu tư VF1 tập trung xây dựng danh mục đầu tư dựa trên các định hướng sau đây:

- Đẩy mạnh việc tái cơ cấu và kiện toàn danh mục với chiến lược đầu tư cẩn trọng theo tiêu chí và mục tiêu của Quỹ đầu tư cân bằng, ưu tiên giải ngân vào các cổ phiếu đang bị đánh giá thấp hơn giá trị nội tại (undervalued assets);
- Đầu tư năng động và thận trọng trên cơ sở cấu trúc danh mục đầu tư cân đối, đa dạng, tận dụng cơ hội cho sự tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ nhưng vẫn bảo đảm được sự an toàn hợp lý cho danh mục đầu tư của Quỹ. Thanh hoá các cổ phiếu nhỏ, tiềm năng tăng trưởng thấp, đặc biệt các cổ phiếu chưa niêm yết;
- Áp dụng chiến lược phân bổ tài sản linh hoạt vào cổ phiếu có giá trị niêm yết trung bình ("mid-cap") và cổ phiếu có giá trị niêm yết cao (blue chips) có tính thanh khoản tốt, chú trọng vào hiệu quả hoạt động và tiềm năng tăng trưởng của công ty đầu tư;
- Chú trọng việc tham gia với tư cách nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... nhằm làm gia tăng giá trị của chính các công ty này, vì thế gia tăng về mặt giá trị các khoản đầu tư của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

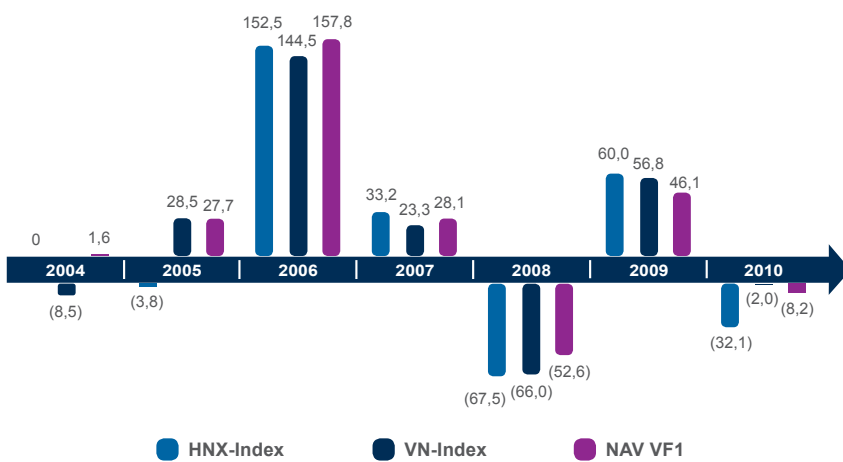
Tăng trưởng NAV lũy kế từ khi hoạt động của VF1 so với Index (20/05/2004 = 100)



Kết thúc năm tài chính 2010, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư VF1 đạt 2.276,3 tỷ đồng, ghi nhận mức giảm 8,2% so với đầu năm (bao gồm cổ tức 15% đã thanh toán cho nhà đầu tư).

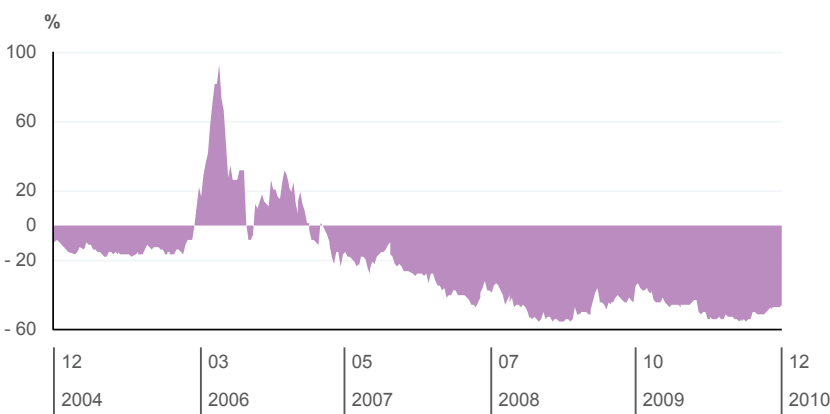
Ảnh hưởng đến mức giảm NAV của Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2010 chủ yếu do cổ phiếu niêm yết trên sàn Hà Nội và cổ phiếu chưa niêm yết, trong đó cổ phiếu sàn Hà Nội trong danh mục đầu tư của Quỹ (chiếm bình quân 12,5% NAV) giảm 11,1% (HNX-Index giảm 32,1%) tương đương đóng góp vào sự sụt giảm NAV 2,1% (trong tổng mức giảm 8,2% NAV).

Tăng trưởng năm (%)



VN-Index trong năm 2010 giảm 2% trong khi HNX-Index giảm 32%. Có sự khác biệt lớn giữa hai chỉ số thị trường là do chỉ số VN-Index chịu tác động của một số cổ phiếu có thanh khoản thấp nhưng vốn hóa lớn chiếm tỷ trọng cao trong rổ tính VN-Index. Các mã cổ phiếu này hiện đang chiếm giữ khoảng 20% giá trị vốn hóa toàn thị trường. Loại bỏ các mã cổ phiếu này ra khỏi rổ tính VN-Index thì VN-Index đã giảm 22% trong năm 2010.

Khoảng cách giữa NAV và giá thị trường (%)



Diễn biến giá các chứng chỉ quỹ đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung cũng như thị giá Quỹ đầu tư VF1 nói riêng trong năm 2010 là ít biến động và giao dịch dưới giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ (giao dịch chiết khấu so với NAV). Tỷ lệ chiết khấu bình quân trong năm 2010 dao động trong khoảng 50%, mức chiết khấu thấp nhất vào khoảng 42,0% trong giai đoạn QI/2010 và mức chiết khấu cao nhất vào khoảng 55,5% vào QIII/2010.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Chiến lược phân bổ tài sản

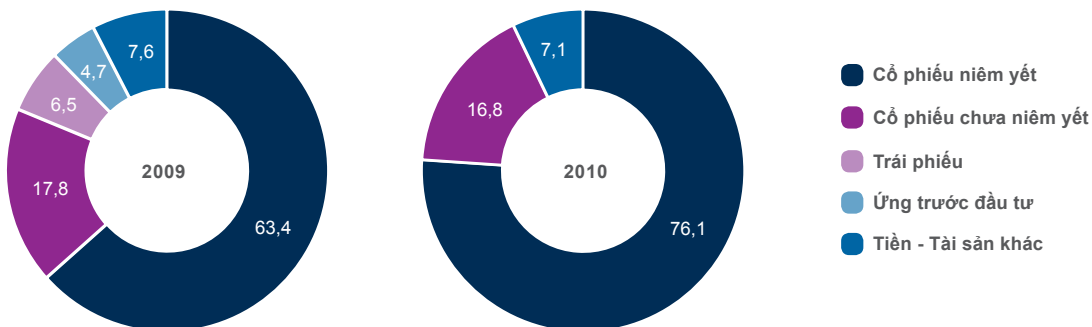
Chiến lược phân bổ tài sản của Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2010 là tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, giảm tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết, xây dựng lại danh mục trái phiếu ở thời điểm thích hợp.

- Đối với phân bổ ngành nghề đầu tư, Quỹ đầu tư VF1 định hướng tập trung vào một số ngành được hưởng lợi từ chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ cũng như sự phục hồi kinh tế như: Vật liệu khai khoáng, Bất động sản, Năng lượng, Vận tải và Hàng hóa công nghiệp.
- Đối với ngành Vật liệu khai khoáng, Quỹ đầu tư VF1 phân chia đầu tư chủ yếu vào hai lĩnh vực là ngành Vật liệu xây dựng và Vật liệu hóa chất; Ngành Bất động sản được Quỹ đầu tư VF1 lựa chọn giải ngân theo tiêu chí các công ty có quỹ đất sạch lớn, tiềm lực tài chính mạnh, đã bán được sản phẩm và chờ ghi nhận lợi nhuận.
- Đối với ngành dầu khí, sự hồi phục giá dầu sẽ làm tăng nhu cầu thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa

Việt Nam từ đó làm gia tăng hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp trong ngành dầu khí. Quỹ đầu tư VF1 sẽ ưu tiên giải ngân vào các công ty cung cấp dịch vụ khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

- Đối với ngành vận tải, Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung lựa chọn đầu tư vào các công ty khai thác cảng biển, cảng hàng không vì các công ty này luôn có nguồn thu ổn định.
- Đối với ngành hàng hóa công nghiệp, Quỹ đầu tư VF1 chú trọng giải ngân vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia, các doanh nghiệp xây dựng hàng đầu, có thương hiệu lớn. Đặc biệt, các doanh nghiệp xây dựng thủy điện là ưu tiên lựa chọn đầu tư của Quỹ đầu tư VF1.
- Xác định năm 2010, ngành Ngân hàng khó đạt mức tăng trưởng cao, Quỹ đầu tư VF1 định hướng giảm tỷ trọng ngành này trong danh mục về mức phù hợp.

Phân bổ tài sản (%NAV)

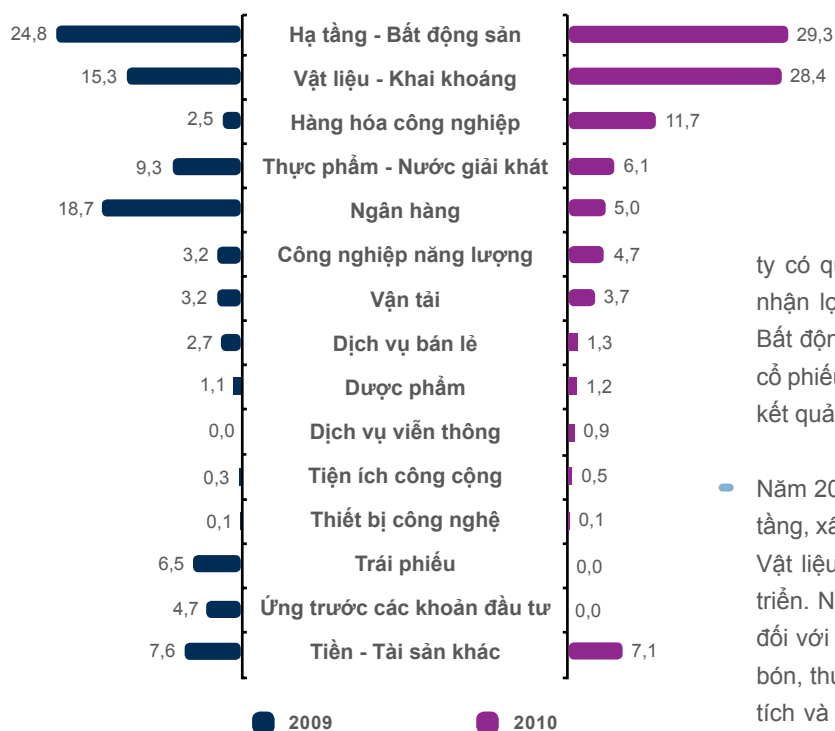


- Thực hiện kế hoạch đặt ra đầu năm là giảm dần tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết và tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết trong danh mục đầu tư, đến ngày 31/12/2010, Quỹ đầu tư VF1 đã giảm tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết trong danh mục từ 17,8% NAV xuống 16,8% NAV và tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết từ 63,4% NAV lên 76,1% NAV tương đương tăng 12,7% NAV so với đầu năm.
- Năm 2010 thị trường cổ phiếu chưa niêm yết vẫn trầm lắng, giá cổ phiếu chưa niêm yết vẫn đi ngang, do đó để

giảm mạnh tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết trong danh mục đầu tư của Quỹ phải thực hiện một cách thận trọng.

- Cuối năm 2010, giá trị ứng trước đầu tư đã được ghi nhận thành cổ phiếu chưa niêm yết làm tăng tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết giá trị tương ứng.
- Tại ngày 31/12/2010 tỷ lệ tiền mặt và tài sản khác chiếm 7,1% NAV.

Cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành (%NAV)



Quỹ đầu tư VF1 đã phân bổ lại cơ cấu ngành trong danh mục sao cho phù hợp với định hướng chung cũng như phù hợp với diễn biến của thị trường.

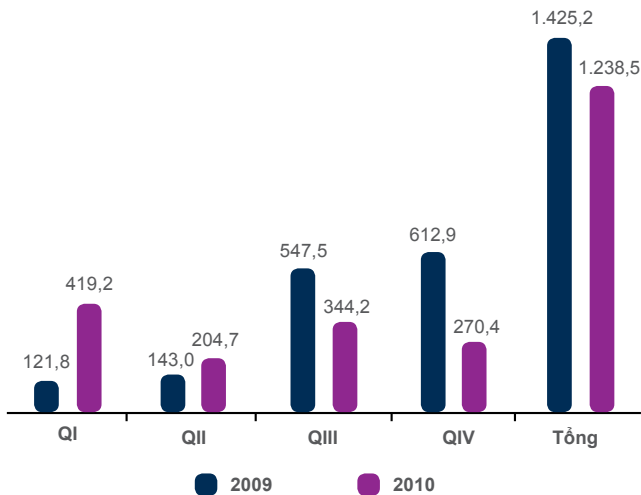
- Với nhận định ảnh hưởng của việc Ngân hàng nhà nước ban hành Thông tư số 13 cùng với áp lực hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng sẽ làm giá cổ phiếu ngân hàng khó tăng trưởng trong năm 2010, ngay trong giai đoạn sáu tháng đầu năm, Quỹ đầu tư VF1 đã giảm tỷ trọng ngành Ngân hàng trong danh mục đầu tư từ 18,7% NAV xuống 7,2% NAV và tiếp tục thanh toán trong 6 tháng cuối năm. Đến ngày 31/12/2010, tỷ trọng ngành Ngân hàng trong danh mục Quỹ đầu tư VF1 chiếm 5% NAV. Số tiền thu được từ thanh toán cổ phiếu ngành Ngân hàng được dùng tái đầu tư vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt hơn như Bất động sản, Hàng hóa công nghiệp, Vật liệu khai khoáng, Vận tải, Năng lượng ...
- Ngành Bất động sản trong năm 2010 tiếp tục được Quỹ tăng tỷ trọng bằng việc tiếp tục giải ngân vào các công

ty có quỹ đất lớn, đã bán được sản phẩm và chờ ghi nhận lợi nhuận. Tuy nhiên, năm 2010 cổ phiếu ngành Bất động sản vẫn chưa được nhà đầu tư chú ý nên các cổ phiếu bất động sản trong danh mục Quỹ vẫn chưa đạt kết quả tốt về giá.

- Năm 2010 kinh tế dần phục hồi, hoạt động xây dựng hạ tầng, xây dựng dân dụng tăng mạnh là cơ hội cho ngành Vật liệu xây dựng và khai khoáng tăng trưởng và phát triển. Ngoài ra, Việt Nam là nước nông nghiệp nên cầu đối với các sản phẩm từ ngành Vật liệu hóa chất (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) luôn rất cao. Dựa trên phân tích và nhận định trên, năm 2010 Quỹ đầu tư VF1 tiếp tục tăng tỷ trọng ngành này trong danh mục đến 28,5% NAV tại ngày 31/12/2010, tăng 13,2% NAV so với đầu năm trong đó cổ phiếu ngành phân bón được Quỹ đầu tư VF1 giải ngân mạnh nhất vào thời điểm đầu QI/2010.
- Ngành Hàng hóa công nghiệp trong năm 2010 được Quỹ đầu tư VF1 giải ngân vào hầu hết các cổ phiếu hoạt động trong ngành xây dựng ổn định như xây dựng thủy điện, xây dựng dầu khí, xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia. Tuy nhiên, các cổ phiếu hoạt động trong ngành này chủ yếu niêm yết tại sàn Hà Nội, trong khi đó HNX-Index năm 2010 giảm 32,1% làm ảnh hưởng đến tăng trưởng về giá của các cổ phiếu này trong danh mục.
- Hiện thực hóa lợi nhuận khoản đầu tư vào ngành Thực phẩm – Nước giải khát, trong năm 2010 Quỹ đầu tư VF1 đã thanh toán một phần cổ phiếu ngành này trong danh mục.
- Ngành Công nghiệp năng lượng trong năm 2010 được Quỹ đầu tư VF1 tăng tỷ trọng từ 3,2% NAV đầu năm lên 4,7% NAV vào cuối năm. Cổ phiếu công ty hoạt động trong ngành Khoan thăm dò và khai thác dầu khí được Quỹ đầu tư VF1 lựa chọn giải ngân trong năm 2010.

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN

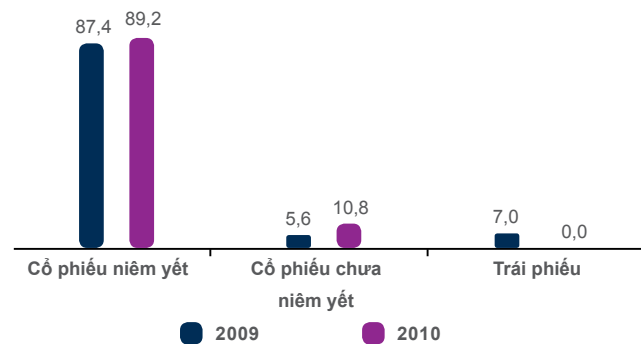
Quy mô giải ngân (tỷ đồng)



Giải ngân của Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2010 giảm nhẹ so với năm 2009 với tổng giá trị đạt 1.238,5 tỷ đồng, bằng 86,9% so với năm 2009, tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết và một phần nhỏ vào cổ phiếu chưa niêm yết.

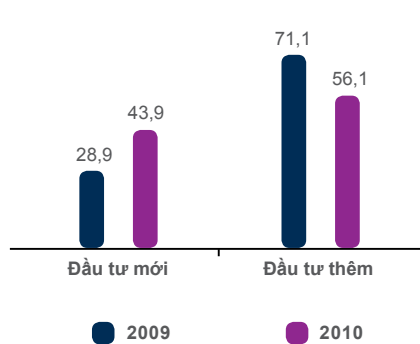
Thời điểm đầu năm 2010, khi VN-Index biến động quanh 480 điểm và nhận định thị trường tài chính đã qua khủng hoảng, Quỹ đầu tư VF1 đã thực hiện giải ngân tương đối mạnh, giá trị giải ngân trong QI/2010 chiếm 33,8% tổng giá trị giải ngân cả năm. Các ngành được Quỹ đầu tư VF1 giải ngân vào thời điểm này là ngành Vật liệu hóa chất (sản xuất phân bón), Năng lượng và Bất động sản. Đến QII/2010 khi VN-Index đạt trên 510 điểm, giá trị giải ngân đạt 204,7 tỷ đồng giảm 51,2% so với QI/2010 và bằng 16,8% tổng giá trị giải ngân trong năm. Trong QIII/2010, quý mà VN-Index có thời điểm chạm mốc thấp nhất trong năm, Quỹ đầu tư VF1 đã đẩy mạnh lại việc giải ngân, giá trị giải ngân đạt 344,2 tỷ đồng, tăng 68,1% so với QII/2010, chiếm 27,8% tổng giá trị giải ngân trong năm. QIV/2010, VN-Index tăng điểm sau khi chạm mốc thấp lần thứ 2 trong năm, Quỹ đầu tư VF1 đã chủ động tìm kiếm và tham gia đầu tư vào các đợt phát hành riêng lẻ, tham gia đấu giá với mức giá khá tốt so với giá trị nội tại của doanh nghiệp.

Cơ cấu giải ngân lũy kế 2010 (%)



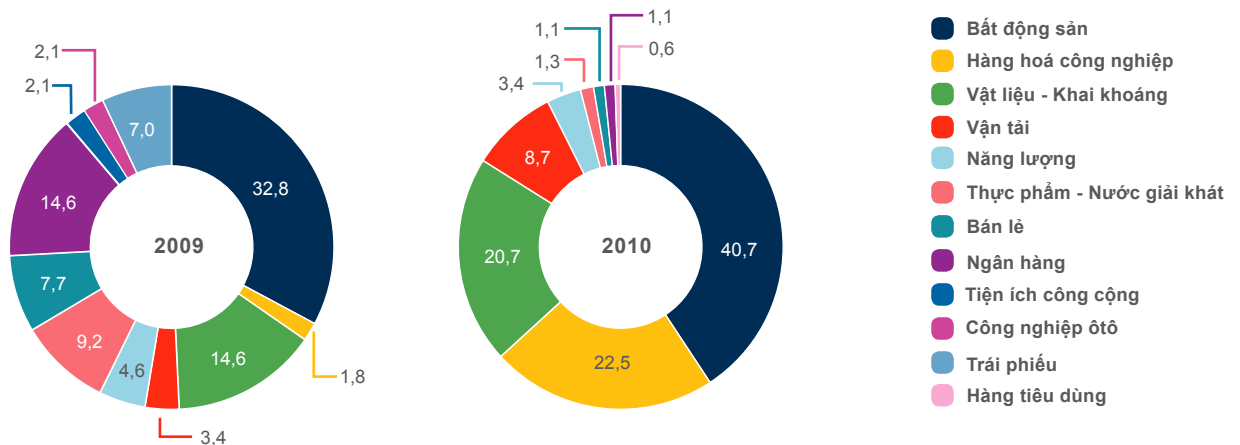
- 89,2% giá trị giải ngân của Quỹ đầu tư VF1 năm 2010 vào cổ phiếu niêm yết, 10,8% còn lại vào cổ phiếu OTC.

Đầu tư mới, đầu tư thêm (%)



- 43,9% giá trị giải ngân của Quỹ đầu tư VF1 năm 2010 là đầu tư mới, 56,1% là đầu tư thêm vì giải ngân năm 2010 chủ yếu cho việc xây dựng lại danh mục theo kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Cơ cấu giải ngân theo ngành (%)



Trọng tâm giải ngân năm 2010 của Quỹ đầu tư VF1 là vào 3 ngành: Bất động sản, Hàng hóa công nghiệp và Vật liệu khai khoáng, chiếm 83,9% tổng giá trị giải ngân của năm.

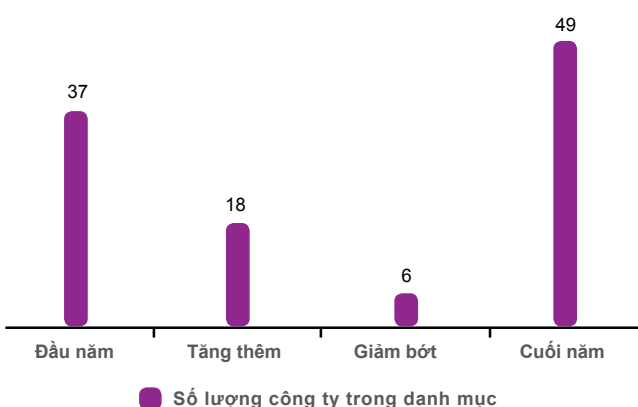
Thực hiện đúng tiêu chí giải ngân đối với cổ phiếu ngành bất động sản phải là các công ty có quỹ đất sạch lớn, gần trung tâm thành phố (Công ty Xây dựng Bình Chánh, Hoàng Anh Gia lai, Quốc Cường Gia lai, Sudico,...) và các công ty đã bán được sản phẩm (Bình Chánh, Nhà Từ Liêm,...), Quỹ đầu tư VF1 đã giải ngân 504,2 tỷ đồng (đồng thời thanh toán hiện thực hóa lợi nhuận 388,6 tỷ đồng), chiếm 40,7% tổng giá trị giải ngân năm 2010. Đặc biệt, trong năm 2010, Quỹ đầu tư VF1 đã thực hiện thành công 2 khoản đầu tư dưới hình thức tham gia phát hành riêng lẻ cho cổ đông lớn với mức giá khá tốt so với giá trị nội tại của công ty, mang lại

tỷ suất lợi nhuận trên 20% mỗi khoản đầu tư.

Cổ phiếu ngành Hàng hóa công nghiệp trong danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 chủ yếu là các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp trong đó ưu tiên giải ngân vào các công ty xây dựng các công trình thủy điện, xây dựng trong ngành dầu khí hoặc xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia. Trong năm, giá trị giải ngân vào ngành này đạt 278,5 tỷ đồng, chiếm 22,5%. Các công ty được Quỹ đầu tư VF1 chọn lựa giải ngân là những công ty lớn trong lĩnh vực mà công ty đó hoạt động.

Giải ngân vào ngành Vật liệu khai khoáng năm 2010 đạt 256,4 tỷ đồng, chiếm 20,7% trong đó cổ phiếu ngành vật liệu hóa chất (sản xuất phân bón) đã giúp cho danh mục Quỹ đầu tư VF1 có được tăng trưởng đáng kể.

Số lượng công ty giải ngân/ thanh toán trong năm 2010

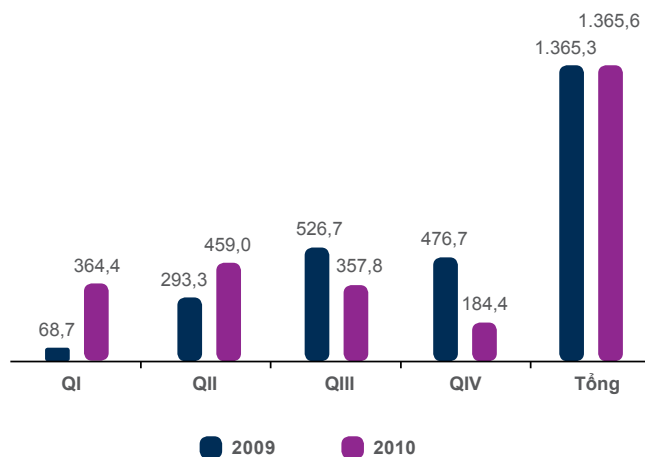


Quỹ đầu tư VF1 luôn năng động tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới và năm 2010 công ty đã giải ngân vào 16 công ty mới cùng với 2 công ty chuyển từ hình thức ứng trước đầu tư lên cổ phiếu chưa niêm yết, đồng thời thanh toán 6 cổ phiếu ra khỏi danh mục. Trong 6 cổ phiếu thanh toán có 4 cổ phiếu nằm trong chiến lược giảm tỷ trọng ngành mà Quỹ đầu tư VF1 đã đạt ra đầu năm và 2 cổ phiếu thực hiện hoán đổi nhằm tìm kiếm cơ hội thu được tỷ suất sinh lời cao hơn.

Đến ngày 31/12/2010, danh mục đầu tư của Quỹ gồm 49 công ty, trong đó 36 công ty đang niêm yết và 13 công ty chưa niêm yết.

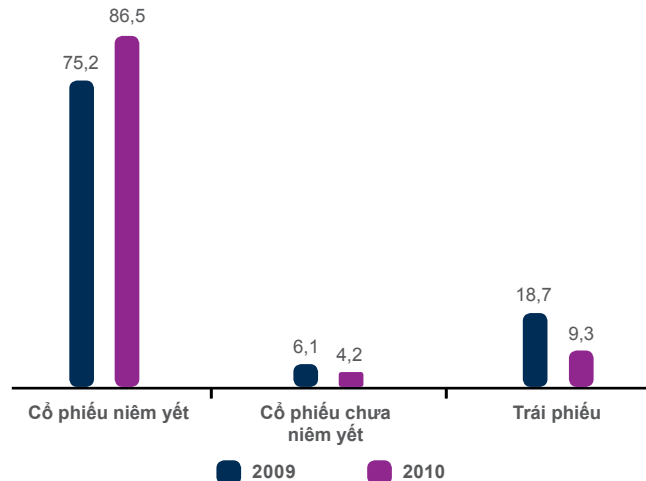
TÌNH HÌNH THANH HOÁN

Quy mô thanh toán (tỷ đồng)



Thanh toán trong năm 2010 đạt 1.365,6 tỷ đồng, bằng 110,3% giá trị giải ngân năm 2009 và bắt đầu thực hiện trong QI/2010 khi VN-Index xoay quanh mức 490 điểm. Sang QII/2010, khi VN-Index chạm mức cao nhất trong năm, Quỹ đầu tư VF1 tiếp tục thanh toán nhằm hiện thực hóa lợi nhuận giá trị giải ngân đã thực hiện trong QI/2010, tổng giá trị thanh toán trong sáu tháng đầu năm 2010 đạt 823,4 tỷ đồng chiếm 60,3% tổng giá trị thanh toán của năm. Vào QIII/2010 khi

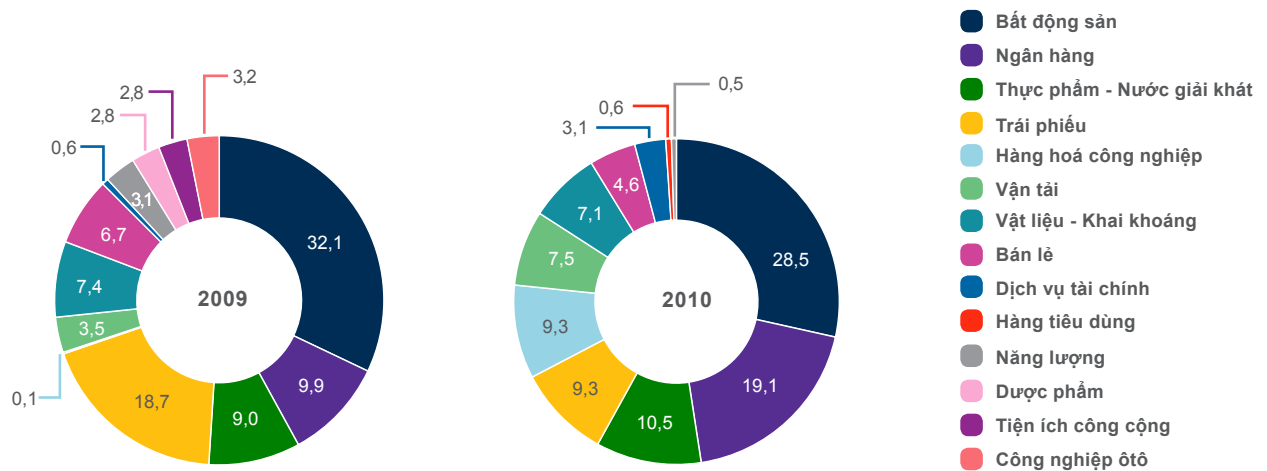
Cơ cấu thanh toán lũy kế 2010 (%)



VN-Index chạm mức thấp nhất trong năm cũng là thời điểm VN-Index bật mạnh sau khi chạm đáy, Quỹ đầu tư VF1 tiếp tục thanh toán 357,8 tỷ đồng để hiện thực hóa lợi nhuận. Thanh toán trong QIV/2010 đạt giá trị 184,4 tỷ đồng, giảm 48,5% so với QIII/2010.

Thanh toán đối với cổ phiếu niêm yết năm 2010 chiếm 86,5%, trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết chiếm 13,5%.

Cơ cấu thanh toán theo ngành (%)



Ngành Bất động sản vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị thanh toán năm 2010, đạt 388,6 tỷ đồng (tương đương chiếm 28,5%). Một số cổ phiếu Bất động sản trong danh mục được Quỹ đầu tư VF1 thực hiện thanh toán nhằm hoán đổi sang cổ phiếu khác có tiềm năng tăng trưởng cao. Ngoài ra, giao dịch mua bán tìm kiếm chênh lệch giá đối với cổ phiếu Bất động sản cũng được Quỹ thực hiện trong năm 2010.

Ngay trong QI/2010, Quỹ đầu tư VF1 đã giảm tỷ trọng ngành Ngân hàng từ 18,7% NAV xuống 12,4% NAV và sang QII/2010, ngành Ngân hàng chỉ chiếm 7,2% trong NAV của Quỹ. Tổng giá trị thanh toán ngành ngân hàng năm 2010 đạt 260,2 tỷ đồng, chiếm 19,1% tổng giá trị thanh toán của năm 2010. Ba cổ phiếu ngân hàng được thanh toán trong năm 2010, trong đó có 2 cổ phiếu niêm yết (nhà đầu tư nước ngoài không còn được phép sở hữu hai cổ phiếu này) và 1 cổ phiếu OTC.

Hiện thực hóa lợi nhuận khi giá cổ phiếu đạt mức sinh lời kỳ vọng, trong năm 2010 Quỹ đầu tư VF1 đã thanh toán một phần cổ phiếu ngành Thực phẩm – nước giải khát với giá trị đạt 142,8 tỷ đồng tương đương chiếm 10,5% tổng giá trị thanh toán năm 2010.

Thực hiện mua bán tìm kiếm chênh lệch giá cho danh mục, năm 2010 Quỹ đầu tư VF1 đã thanh toán 126,8 tỷ đồng cổ phiếu ngành Hàng hóa công nghiệp, chiếm 9,3% tổng giá trị thanh toán năm 2010.

Đầu năm, nhận định ngành Vận tải sẽ tăng trưởng khi kinh tế phục hồi, tuy nhiên các công ty hoạt động đơn thuần về vận tải hàng hóa vẫn gặp khó khăn khi giá cước vận tải chưa được cải thiện nên Quỹ đầu tư VF1 đã thanh toán cổ phiếu các công ty hoạt động thuần về vận tải ra khỏi danh mục đầu tư, đồng thời hoán đổi sang cổ phiếu các công ty hoạt động trong ngành cảng biển. Giá trị thanh toán cổ phiếu ngành vận tải năm 2010 đạt 107,3 tỷ đồng, chiếm 7,5% tổng giá trị thanh toán năm 2010.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Lợi nhuận ròng

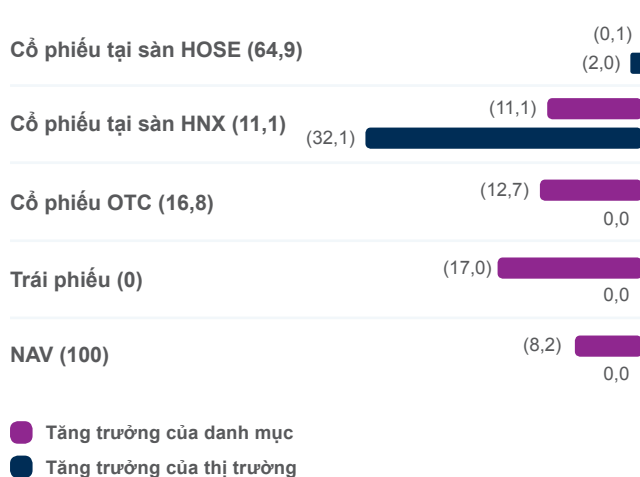
Nội dung (tỷ đồng)	2010	2009	2008	2007
Lãi/ (lỗ) từ việc bán chứng khoán	49,4	224,6	(300,4)	358,8
Chênh lệch giá chứng khoán chưa thực hiện	(292,4)	648,7	(1.824,2)	383,8
Cổ tức & trái tức	73,8	61,8	121,6	31,5
Lãi/ (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(169,2)	935,1	(2.003,0)	774,1
Lãi ngân hàng	17,2	16,9	35,4	39,2
Chi phí	51,6	49,1	52,6	63,4
Lợi nhuận/ (lỗ) ròng	(203,6)	902,9	(2.020,2)	749,9

Trong năm 2010, tổng thu nhập từ bán chứng khoán, cổ tức, trái tức và lãi ngân hàng của Quỹ đầu tư VF1 đạt 140,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc định giá lại giá trị thị trường các khoản đầu tư làm danh mục phát sinh lỗ 292,4 tỷ đồng. Kết thúc năm 2010, Quỹ đầu tư VF1 lỗ 203,6 tỷ đồng, chủ yếu lỗ do đánh giá lại giá cổ phiếu cuối kỳ.

Giá các cổ phiếu đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2010 nằm ở vùng thấp nên khả năng giảm tiếp là thấp, ngược lại khi thị trường phục hồi sẽ là cơ hội cho giá các cổ phiếu này tăng trưởng.

Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của danh mục theo loại tài sản (%)

Tỷ trọng (% NAV tại 31/12/2010)



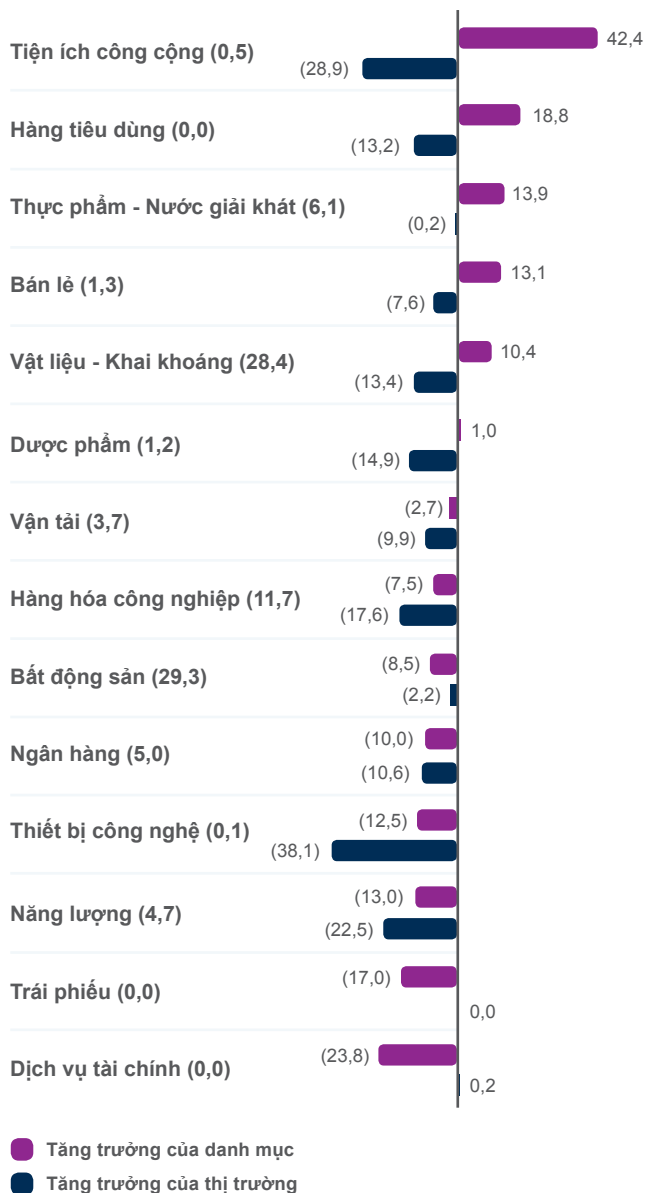
Xét theo các khoản đầu tư vào các sản giao dịch thì cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Tp. Hồ Chí Minh của danh mục Quỹ đầu tư VF1 năm 2010 ghi nhận giảm 0,1% so với mức giảm 2,0% của VN-Index, thể hiện hiệu quả đầu tư khá tốt của danh mục.

Tương tự, cổ phiếu niêm yết Sở Giao dịch Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VF1 năm 2010 ghi nhận giảm 11,1% so với mức giảm 32,1% HNX-Index.

Cổ phiếu chưa niêm yết trong danh mục Quỹ đầu tư VF1 ghi nhận giảm 12,7% chủ yếu do đánh giá lại giá cổ phiếu vào cuối năm.

Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của danh mục theo ngành (%)

Ngành đầu tư (% NAV tại 31/12/2010)



Xét theo tỷ suất sinh lời của các ngành trong danh mục, năm 2010 hầu hết các ngành trong danh mục Quỹ đầu tư VF1 đạt hiệu quả cao hơn so với thị trường, trong đó 6 ngành có tỷ suất sinh lời dương gồm: Tiện ích công cộng; Hàng tiêu dùng; Thực phẩm – nước giải khát; Bán lẻ; Vật liệu xây dựng và Dược phẩm.

Ngành Tiện ích công cộng có suất sinh lời cao nhất 42,4% trong danh mục Quỹ đầu tư VF1, tuy nhiên tỷ trọng ngành này chiếm trong NAV là thấp, chỉ có 0,5% nên mức độ ảnh hưởng lên tổng NAV của ngành này không đáng kể.

Ngành Hàng tiêu dùng mặc dù trong năm 2010 thị trường tăng trưởng âm 13,2%, cổ phiếu ngành này trong danh mục đã mang lại tỷ suất lợi nhuận 18,8% với giá trị tuyệt đối đạt 1,3 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2010, Quỹ đầu tư VF1 đã thanh toán hoàn toàn khoản đầu tư vào ngành này ra khỏi danh mục.

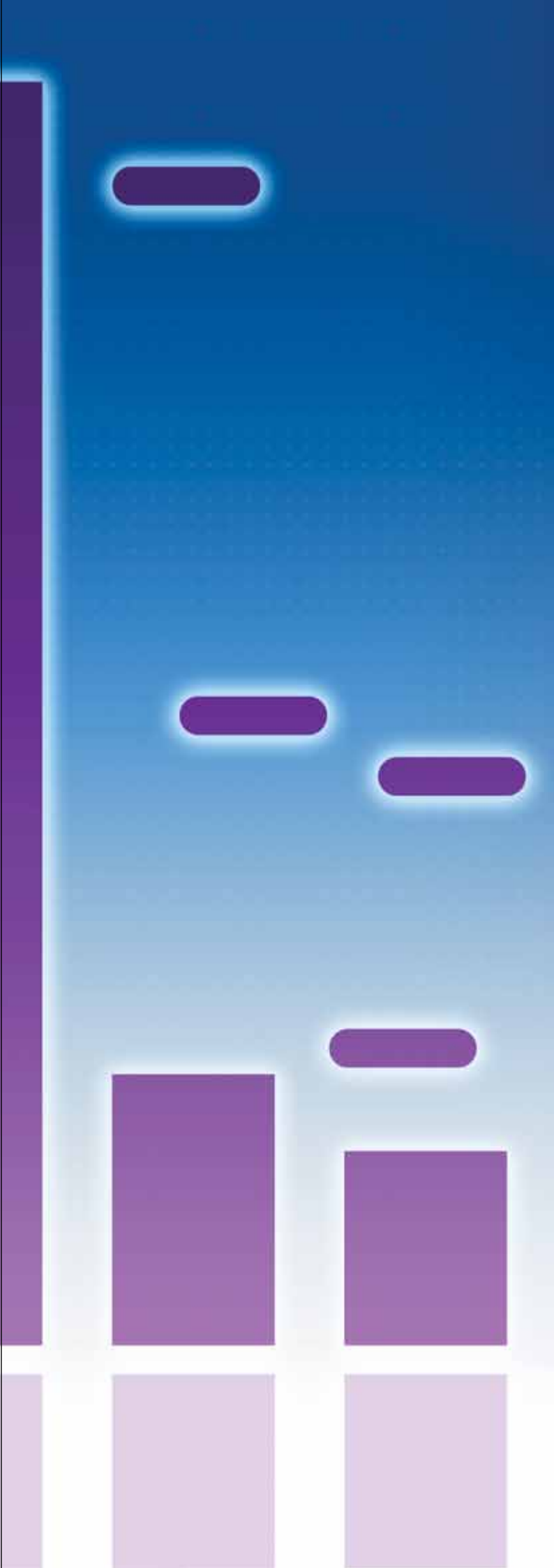
Ngành có tỷ suất sinh lời cao thứ 3 trong danh mục năm 2010 là ngành Thực phẩm – Nước giải khát. Giá trị lợi nhuận ngành này mang lại cho Quỹ đầu tư VF1 đạt 34,2 tỷ đồng, tương đương tỷ suất lợi nhuận 13,9% so với mức sinh lời âm 0,2% của ngành này trên thị trường.

Cổ phiếu ngành Bán lẻ trong giai đoạn 8 tháng đầu năm 2010 được sự quan tâm và đầu tư mạnh của khối nhà đầu tư nước ngoài, giá cổ phiếu ngành này tăng trưởng tốt và đạt ngưỡng sinh lời kỳ vọng, Quỹ đầu tư VF1 đã thực hiện thanh toán cổ phiếu ngành bán lẻ, mang lại lợi nhuận 10,6 tỷ đồng cho danh mục tương đương tỷ suất sinh lời 13,1% so với mức tăng trưởng âm 7,6% của ngành này trên thị trường.

Ngành Vật liệu khai khoáng dù tỷ suất sinh lời chỉ đạt 10,4% nhưng đóng góp lợi nhuận của ngành này trong năm 2010 đạt giá trị cao nhất 66,2 tỷ đồng.

Ngành Bất động sản đến ngày 31/12/2010 chiếm 29,3% NAV của Quỹ ghi nhận tỷ suất sinh lời âm 8,5% so với mức giảm 2,2% của ngành này trên thị trường.





DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỂN HÌNH



Công ty CP Bảo vệ Thực vật An Giang (AGPPS)

Nhà phân phối thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) chất lượng cao tại Việt Nam

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- Là đối tác chiến lược của Syngenta tại Việt Nam, phân phối 80% doanh số thuốc bảo vệ thực vật của tập đoàn này.
- Dẫn đầu trong lĩnh vực phân phối thuốc BVTV, chiếm hơn 22% thị phần cả nước, giữ khoảng cách khá xa và vẫn đang tiếp tục thành công trong việc giành thị phần từ các đối thủ lớn như Bayer, công ty CP Khử trùng Việt Nam (VFG), công ty CP Nông dược HAI.
- Thương hiệu uy tín, hệ thống phân phối rộng khắp với 25 chi nhánh và gần 500 đại lý.

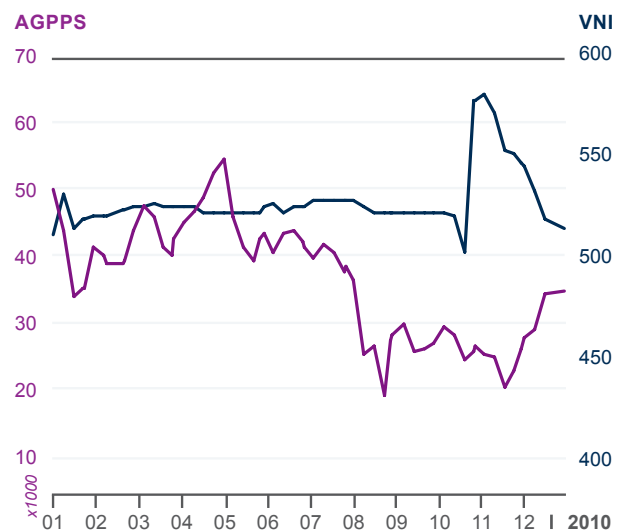
TRIỂN VỌNG

- Với đặc điểm Việt Nam là một nước nông nghiệp cùng với các mục tiêu đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng nông sản như gạo, cà phê, ... thị trường thuốc BVTV Việt Nam được nhận xét có tốc độ tăng trưởng trung bình 10%-15%/năm; đây là cơ hội và tiềm năng trong tương lai cho AGPPS.
- Đầu tư phát triển theo định hướng bao quát toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp: hiện đã bắt đầu tham gia vào khâu dịch vụ sau thu hoạch (sấy lúa, hệ thống kho bảo quản, kinh doanh nội địa và xuất khẩu gạo) bằng việc đầu tư nhà máy chế biến gạo với công suất ban đầu 50.000 tấn và sẽ phát triển thêm nhiều nhà máy khác trên nền tảng chủ động được vùng nguyên liệu.
- Chuẩn bị niêm yết trong Quý II/2011 và mở rộng thị trường thuốc BVTV sang Campuchia thông qua việc thành lập công ty bán hàng trực tiếp tại đây.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	n/a	n/a
Doanh thu (tỷ đồng)	4.060,19	3.176,34
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	310,00	328,04
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	7,63	10,33
ROE (%)	33,87	50,83
Tăng EPS (%)	(5,50)**	124,67
P/E (x)	8,86	7,00
P/B (x)	2,13	3,90
Tỷ suất cổ tức (%)	2,27	2,35

(*): Ước tính của VFM

(**): AGPPS tiến hành tăng vốn từ 270 tỷ lên 621 tỷ



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu AGPPS so với VNI năm 2010

Mắt xích quan trọng trong chính sách an ninh lương thực Quốc Gia

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

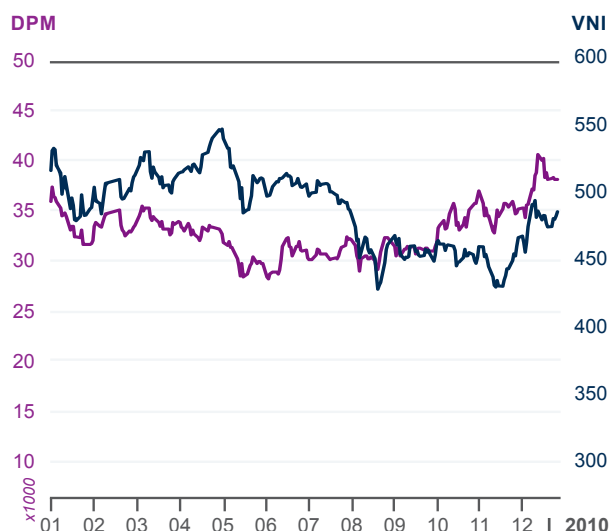
- Là doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam áp dụng công nghệ sản xuất phân đạm (urê) từ khí đồng hành với quy trình khép kín, công nghệ hiện đại từ Châu Âu.
- Là doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất phân đạm với công suất 740.000 tấn/năm. Công ty cung ứng 80% sản lượng sản xuất trong nước và chiếm hơn 40% thị phần phân urê của cả nước.
- Năm 2010, doanh thu ước đạt khoảng 6.400 tỷ trong khi lợi nhuận sau thuế được kỳ vọng có mức tăng trưởng khoảng 23% so với năm 2009, lên mức 1.650 tỷ.

TRIỂN VỌNG

- Dự án nhà máy Đạm Phú Mỹ mở rộng để tăng năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu thiếu hụt urê trên thị trường, tăng sản lượng cung cấp từ 740.000 tấn/năm lên 800.000 tấn/năm với thời gian hoạt động dự kiến là năm 2011.
- Ngoài vai trò là nhà sản xuất, DPM đang tăng cường vai trò là một trong những công ty dẫn đầu trong ngành phân bón qua chiến lược phát triển mảng nhập khẩu phân urê từ thị trường nước ngoài, tạo thương hiệu riêng cho DPM cũng như tăng cường thị phần, vai trò của công ty trên thị trường nội địa, hướng tới việc chiếm lĩnh khoảng 60% thị phần toàn quốc vào năm 2015.
- Mục tiêu chiến lược của DPM là cung cấp cho thị trường trong nước nguồn phân bón ổn định có chất lượng cao. Ngoài urê là sản phẩm chính, DPM sẽ đẩy mạnh kinh doanh hóa chất với mục tiêu 20-30% thị trường hóa chất dầu khí và 7-10% thị trường hóa chất nông nghiệp.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	14.440,00	11.996,60
Doanh thu (tỷ đồng)	6.400,00	6.630,06
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.649,77	1.343,34
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	25,76	20,26
ROE (%)	28,00	26,40
Tăng EPS (%)	22,81	(3,03)
P/E (x)	8,75	8,93
P/B (x)	2,26	2,17
Tỷ suất cổ tức (%)	3,42	6,33

(*): Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu DPM so với VNI năm 2010



Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

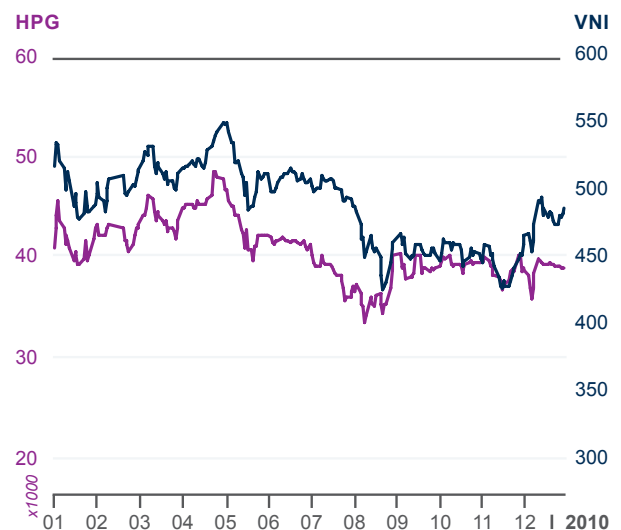
- Là một công ty có thị phần thứ 3 trong ngành sản xuất thép cả nước, Hòa Phát đang có những bước phát triển vượt bậc cả về quy mô lẫn các ngành nghề hoạt động. Công ty đang mở rộng sang kinh doanh bất động sản.
- Năm 2010, HPG đã giới thiệu những dự án bất động sản lớn của mình, trong đó có dự án khu đô thị Tây Mỗ, Hà Nội, dự án Mandarin Garden, Hà Nội. Dự kiến hoạt động kinh doanh bất động sản sẽ đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của HPG trong những năm tới.
- Doanh thu tăng trưởng mạnh trong năm 2010 khi khu liên hợp gang thép của công ty đi vào hoạt động. Tỷ suất lợi nhuận biên luôn ở mức ổn định, trên 17%.

TRIỂN VỌNG

- Nhu cầu phát triển hạ tầng và đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng dân dụng ở Việt Nam còn rất lớn.
- Lượng vốn đầu tư vào Việt Nam cũng như nhu cầu đất khu công nghiệp cho sản xuất cao, Hòa Phát lại được giao phát triển, mở rộng một số khu công nghiệp mới tại Hưng Yên, Hà Nam.
- Nhu cầu bất động sản tại các thành phố lớn rất lớn cùng với tốc độ tăng thu nhập của người dân.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	12.300,79	12.396,14
Doanh thu (tỷ đồng)	14.393,00	8.244,25
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.396,00	1.270,71
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	9,70	15,41
ROE (%)	22,26	25,94
Tăng EPS (%)	1,71	45,91
P/E (x)	8,81	9,03
P/B (x)	1,96	2,34
Tỷ suất cổ tức (%)	30,00	20,00

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu HPG so với VNI năm 2010

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

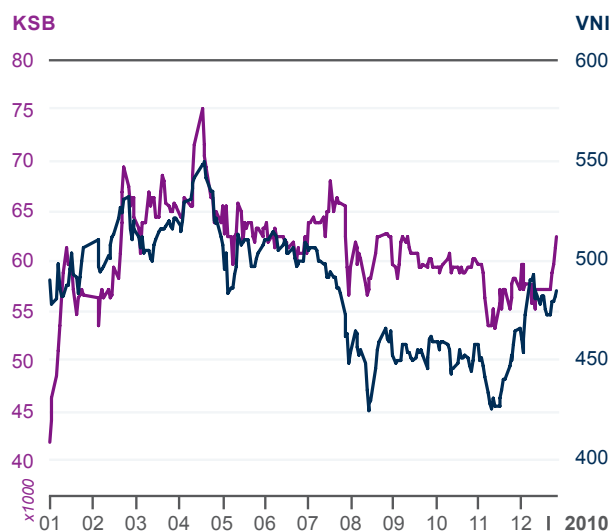
- Bimico (KSB) sở hữu các mỏ đá bao gồm mỏ đá Tân Đông Hiệp (diện tích khai thác 22ha, công suất khai thác 1,8 triệu m³/năm); mỏ đá Phước Vĩnh (diện tích khai thác 23ha trên tổng diện tích 55ha, công suất khai thác 1 triệu m³/năm); mỏ đá Tân Mỹ (diện tích khai thác 10ha trên quy mô 45ha với năng suất 540,000 m³/năm). Ngoài ra, Bimico còn sở hữu một khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên với tổng diện tích là 212,8ha được chia làm 2 khu là khu A (103,9ha với 62ha diện tích kinh doanh) và khu B (108,9ha với 68ha diện tích kinh doanh).
- Kết thúc 9 tháng 2010 Bimico đạt lợi nhuận sau thuế là 97,5 tỷ. Doanh thu 9 tháng năm 2010 đạt 350,3 tỷ, tăng trưởng 52% so với cùng kỳ. Ước tính doanh thu cả năm 2010 là 451 tỷ, tăng 31% so với 2009. Lợi nhuận sau thuế 2010 được dự phóng là 121,7 tỷ, tăng trưởng 32% so với cùng kỳ.

TRIỂN VỌNG

- Tăng trưởng doanh thu được duy trì qua việc mở rộng các mỏ đá Tân Mỹ (từ diện tích khai thác là 10ha lên 34ha) và mỏ Phước Vĩnh (từ diện tích khai thác hiện tại là 23ha lên 54ha). Ngoài ra, Bimico có được giấy phép khai thác mỏ cao lanh Minh Long từ năm 2011 trở đi, có thể đóng góp khoảng 75 – 80 tỷ doanh thu hàng năm trong tương lai, tương đương 18% doanh thu thực năm 2010.
- Khu công nghiệp B hiện với tỷ lệ lấp đầy khoảng 15% với giá 35 – 40 USD/năm. Trong vòng 1 - 2 năm sắp tới, đây sẽ là một nguồn doanh thu ổn định cho Bimico. Ngoài ra Bimico đang lên kế hoạch nghiên cứu về gạch không nung cho nhu cầu thị trường mới nổi cũng như tiến hành các đề án về bê tông rung và bê tông ly tâm.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	663,40	n/a
Doanh thu (tỷ đồng)	451,02	344,70
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	121,71	92,45
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	26,99	26,82
ROE (%)	30,32	30,67
Tăng EPS (%)	31,64	27,94
P/E (x)	5,54	6,94
P/B (x)	1,75	2,23
Tỷ suất cổ tức (%)	3,23	n/a

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu KSB so với VNI năm 2010

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

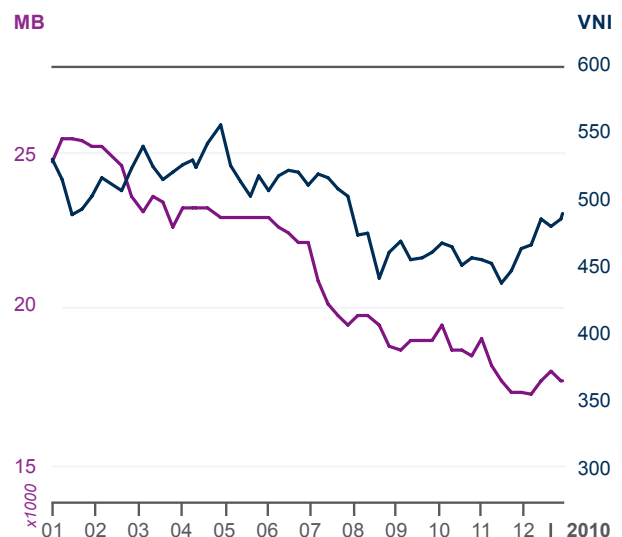
- Là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam, ngân hàng MB không dừng lại ở quy mô hoạt động của một ngân hàng mà đang hướng tới một mô hình tập đoàn tài chính với các công ty thành viên đang hoạt động hiệu quả.
- Hiện nay, MB đã mở rộng quy mô thông qua việc mở rộng mạng lưới các kênh giao dịch truyền thống và hiện tại toàn hệ thống đã có 103 điểm giao dịch, 250 máy ATM và 1.100 POS.
- Ngoài ra, ngân hàng cũng chính thức mở chi nhánh tại Lào, góp phần vào quá trình phát triển của MB khi hòa nhập cùng với các Ngân hàng trong nước như Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) những năm gần đây.
- Mặc dù năm 2010 này là năm khó khăn cho ngành ngân hàng nhưng MB vẫn đạt được kết quả kinh doanh tốt và sớm hoàn thành kế hoạch. Hoạt động của ngân hàng tăng trưởng mạnh với tổng tài sản tăng trưởng 56% cho năm 2009. Đến hết năm 2010, lợi nhuận của MB đã đạt vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 127%.

TRIỂN VỌNG

- Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao trong những năm gần đây. Năm 2010, mặc dù kinh tế gặp khó khăn bởi lạm phát, lãi suất tăng cao, GDP của Việt Nam vẫn tăng “vượt mong đợi” của nhiều chuyên gia, đạt 6,78%. Ngành tài chính – ngân hàng, với vai trò là huyết mạch của nền kinh tế, sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng, đồng thời cũng sẽ được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển ban đầu với tỷ lệ số dân tiếp cận dịch vụ ngân hàng ước tính khoảng 10%, thuộc hàng thấp nhất thế giới. Đây là cơ hội lớn để các ngân hàng phát triển mảng dịch vụ bán lẻ.
- Ngày 31/12/2010 vừa qua, Ngân hàng đã hoàn thành việc chốt quyền thưởng cổ phiếu tỷ lệ 67:06 và trả cổ tức bằng tiền mặt 15%. Qua đó, MB đã kết thúc năm 2010 bằng việc hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 7.300 tỷ đồng.
- Với lợi thế vốn lớn, cùng với việc mở rộng hoạt động ra các nước khác trong khu vực như Lào và sắp tới là thị trường Campuchia, MB vẫn còn nhiều tiềm năng để tăng cường năng lực tài chính nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh và bền vững của ngân hàng trong giai đoạn sắp tới. Đây là những thị trường đang phát triển, tạo ra nhiều cơ hội trong lĩnh vực ngân hàng. MB đã có nhiều kinh nghiệm từ khi thị trường tiền tệ Việt Nam còn non trẻ, và những kinh nghiệm này sẽ có ích tại các thị trường mới nổi như vậy.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	7.827,18	6.611,93
Tổng tài sản (tỷ đồng)	102.000,00	69.008,29
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.490,00	1.173,73
Cho vay / Huy động (%)	72,50	65,48
ROE (%)	22,60	30,70
Tăng EPS (%)	2.951,00	2.215,00
P/E (x)	6,94	11,70
P/B (x)	2,60	3,30
Tỷ suất cổ tức (%)	8,60	7,20

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu MB so với VNI năm 2010



Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm (NTL)

Sở hữu quỹ đất có vị trí đẹp, hiệu quả đầu tư tốt

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

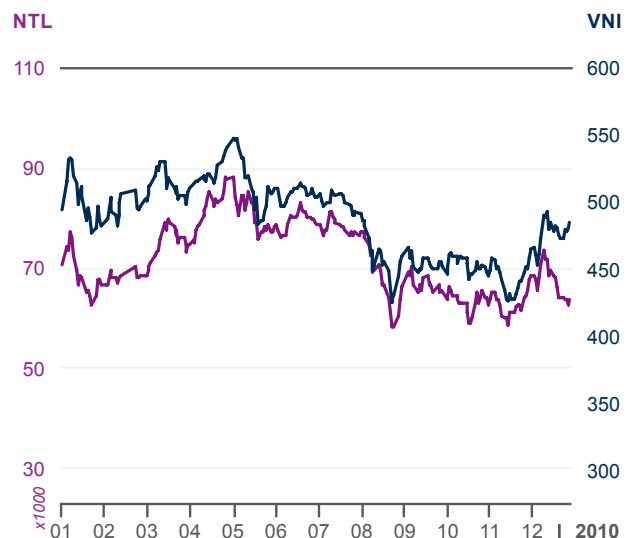
- Công ty đang là chủ đầu tư các dự án lớn như khu đô thị mới Dịch Vọng (Cầu Giấy) quy mô 22ha, dự án khu đô thị mới tại Trạm Trôi (Hà Tây) 38ha, khu đô thị mới (đô thị loại 1) Tây Đô – Hoài Đức 88ha.
- Mặc dù tình hình thị trường bất động sản năm 2010 không khả quan như năm 2009, do lạm phát và lãi suất tăng cao, NTL cũng cố gắng đạt được kế hoạch đề ra cho năm 2010 là 700 tỷ lợi nhuận sau thuế. Giá đất tại khu vực quanh dự án Trạm Trôi của NTL tăng lên từ 17 triệu/m² năm 2009 lên trên 30 triệu/m² cuối năm 2010. Với việc đường 32 đang được gấp rút hoàn thành, việc đi lại đến khu đô thị mới Trạm Trôi sẽ dễ dàng hơn.

TRIỂN VỌNG

- Thị trường bất động sản Hà Nội về dài hạn vẫn trong tình trạng cầu vượt cung, nhu cầu bất động sản tăng cao.
- Các khu đất dự án của công ty nằm ở vị trí đắc địa, đặc biệt là những dự án ở Dịch Vọng và những khu vực thuộc Hà Nội mở rộng như Trạm Trôi và Tây Đô - Hoài Đức.
- Các dự án của NTL được giao sớm nên giá đất thấp kéo theo chi phí của dự án thấp.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	2.099,20	2.328,80
Doanh thu (tỷ đồng)	1.378,10	1.379,55
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	647,04	530,40
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	46,95	38,45
ROE (%)	58,83	95,09
Tăng EPS (%)	(39,00)	758,00
P/E (x)	3,24	4,39
P/B (x)	1,92	4,19
Tỷ suất cổ tức (%)	30,00	30,00

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu NTL so với VNI năm 2010



Công ty CP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)

Công ty đầu ngành trong lĩnh vực mũi nhọn của cả nước

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

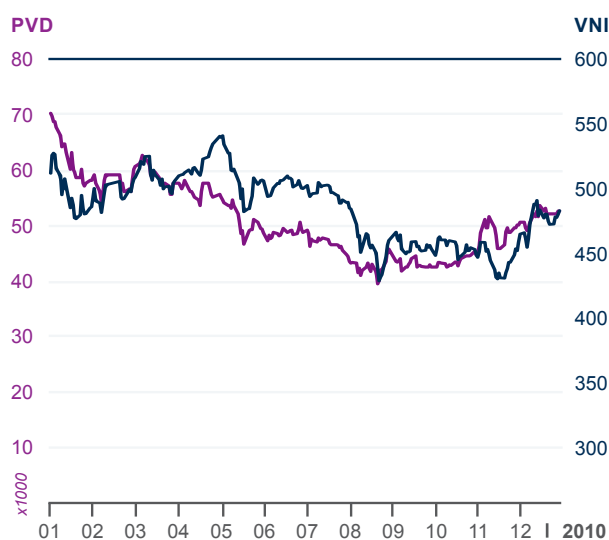
- Một trong những doanh nghiệp hàng đầu về dịch vụ khoan và cho thuê giàn khoan tại Việt Nam với thị phần dịch vụ khoan và các dịch vụ đi kèm chiếm lần lượt khoảng 50% (tăng 40% sau 3 năm) và trên 80% tại Việt Nam.
- Với việc công ty đưa vào khai thác trọn năm hai giàn khoan PVD 2 và PVD 3 cùng với 3 giàn thuê mới đi vào hoạt động đã đánh dấu sự lớn mạnh không ngừng của PVD trong năm 2010. Tuy giá cho thuê giàn khoan vẫn ở mức thấp so với trước khủng hoảng nhưng doanh thu năm 2010 vẫn có được mức tăng trưởng trên 50%.
- Chủ động phát triển theo chiều sâu các dịch vụ chuyên ngành liên quan đến khoan, với mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ trọn gói và có tầm cỡ trong khu vực.

TRIỂN VỌNG

- Mục tiêu và định hướng lâu dài của PVD là trở thành nhà cung cấp hàng đầu về dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan. Cũng trong định hướng này, PVD đã tiến hành đầu tư giàn TAD (nửa nổi nửa chìm) để phục vụ cho thị trường khoan nước sâu, một thị trường đầy tiềm năng, chiếm 40% lượng thăm dò của thế giới. Hợp đồng cho thuê giàn TAD (5 năm) đã được kí kết với Biển Đông POC bắt đầu từ QIV/2011.
- Ngoài ra, đến năm 2015, Việt Nam sẽ có khoảng 900 giếng dầu khí được khai thác trên đất liền và thềm lục địa, với tốc độ tăng trưởng 50 giếng khoan mới/năm. Với lợi thế là một công ty thành viên của PetroVietnam, cộng với việc tất cả các hợp đồng khoan đều phải được kí kết với PetroVietnam, tiềm năng tăng trưởng của PVD là rất lớn với mục tiêu thăm dò và khai thác giếng khoan do Việt Nam đặt ra.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	11.130,00	14.175,00
Doanh thu (tỷ đồng)	6.500,00	4.096,78
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	945,00	814,61
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	14,54	19,90
ROE (%)	21,69	19,30
Tăng EPS (%)	(27,20)	(12,70)
P/E (x)	11,77	10,95
P/B (x)	5,54	3,36
Tỷ suất cổ tức (%)	5,66	4,88

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu PVD so với VNI năm 2010



SONG DA 5

Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (SD5)

Doanh nghiệp thi công bê tông đầm lăn hàng đầu Việt Nam

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

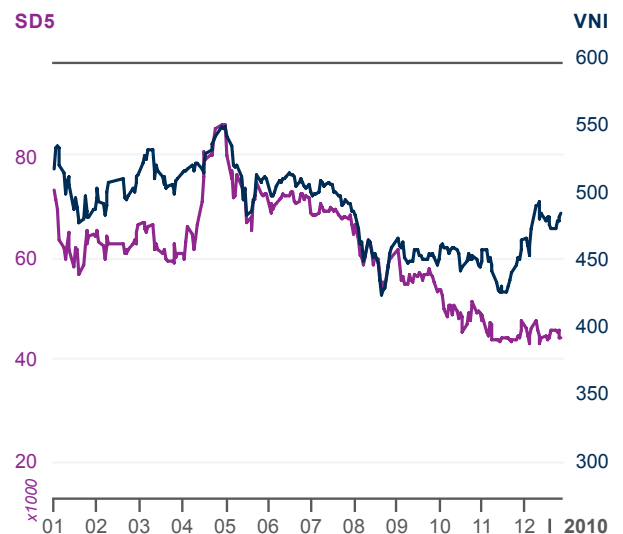
- Là một công ty con chủ chốt của Tập đoàn Sông Đà, hoạt động chính trong lĩnh vực thi công bê tông đầm lăn tại các công trình thủy điện lớn của Việt Nam. SD5 là đơn vị đầu tiên áp dụng tại Việt Nam công nghệ đổ bê tông đầm lăn, một công nghệ tiên tiến trong hoạt động thi công xây dựng. Việc áp dụng công nghệ mới này vào thi công giúp SD5 nâng cao được thương hiệu, tay nghề cán bộ cũng như chiến lược phát triển cho công ty trong tương lai.
- SD5 đang thi công tại thủy điện Sơn La, công suất 2.400MW theo phương pháp đổ bê tông đầm lăn. Dự kiến, SD5 sẽ tiếp tục thi công theo công nghệ đổ bê tông đầm lăn cho dự án lớn là Lai Châu (1.200MW) từ năm 2012. Đây là tiềm năng cho SD5 phát triển trong tương lai do SD5 là đơn vị đầu tiên triển khai tốt công nghệ này tại các thủy điện lớn ở Việt Nam.
- Doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra cho cả năm. Tỷ suất lợi nhuận biên luôn ở mức ổn định, trên 17%.

TRIỂN VỌNG

- Thủy điện được ưu tiên đầu tư ở Việt Nam, cơ hội phát triển còn nhiều. Theo quy hoạch nguồn điện từ nay tới năm 2015 thì thủy điện sẽ chiếm khoảng trên 30% công suất phát điện, chiếm tỷ trọng lớn (trên 40%) trong kế hoạch phát triển 2010-2015 nên nhu cầu xây dựng thủy điện sẽ lớn và ổn định trong thời gian tới.
- Khả năng làm chủ công nghệ hiện đại trong tay cùng với yêu cầu về tiến độ, chất lượng của các dự án cơ sở hạ tầng như thủy điện là tiềm năng phát triển đối với những doanh nghiệp như SD5.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	400,50	426,58
Doanh thu (tỷ đồng)	1.234,66	1.174,96
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	77,00	68,32
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	6,24	5,81
ROE (%)	20,70	38,39
Tăng EPS (%)	(23,69)	35,46
P/E (x)	5,20	6,24
P/B (x)	1,08	2,40
Tỷ suất cổ tức (%)	20,00	20,00

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu SD5 so với VNI năm 2010



SUDICO

Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà (SJS)

Công ty bất động sản hàng đầu Việt Nam

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

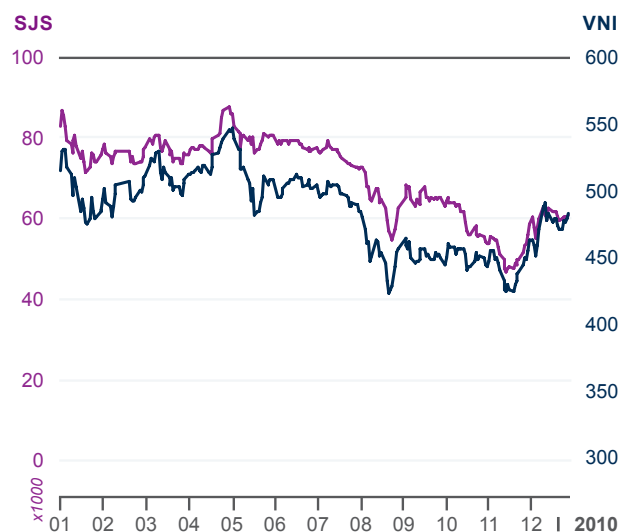
- Sudico là công ty bất động sản hàng đầu ở Miền Bắc cũng như ở Việt Nam với quỹ đất lớn, thương hiệu mạnh. Hoạt động chủ yếu của công ty là phát triển kinh doanh bất động sản. Những dự án tiềm năng của Sudico là dự án Nam An Khánh 250ha, dự án Văn Khê 12ha, dự án Tiên Xuân 1.400ha cùng với nhiều dự án hợp tác kinh doanh khác tại Hưng Yên, Tp. HCM.
- Năm 2010 là năm khó khăn với các công ty bất động sản nói chung và SJS nói riêng. Hoạt động kinh doanh của Sudico trong năm 2010 dự kiến không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, với quỹ đất dồi dào còn lại của dự án Nam An Khánh và công ty đang triển khai xây dựng chung cư cao tầng tại dự án Nam An Khánh, công ty dự kiến sẽ nâng cao doanh thu và lợi nhuận của mình trong những năm tới khi nhu cầu bất động sản Miền Bắc vẫn còn rất lớn.

TRIỂN VỌNG

- Thu nhập của người dân tăng lên cùng với tốc độ đô thị hóa cao giúp tăng nhu cầu đối với các căn hộ, biệt thự tại các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trong thời gian tới, việc quy hoạch, phát triển các khu đô thị được Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương chú trọng.
- Cơ sở hạ tầng miền Bắc đang dần hoàn thiện với đại lộ Thăng Long đi vào hoạt động giúp việc đi lại của dân cư khu vực phía Tây thành phố Hà Nội dễ dàng hơn.
- Sudico sở hữu quỹ đất lớn cùng với đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, công ty có đủ khả năng để vươn lên và giữ vững thương hiệu là công ty bất động sản hàng đầu Việt Nam.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	6.150,00	8.000,00
Doanh thu (tỷ đồng)	1.141,25	1.114,88
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	653,20	705,15
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	57,24	63,25
ROE (%)	44,96	39,96
Tăng EPS (%)	207,57	482,07
P/E (x)	12,04	9,23
P/B (x)	4,38	3,63
Tỷ suất cổ tức (%)	20,00	20,00

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu SJS so với VNI năm 2010

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

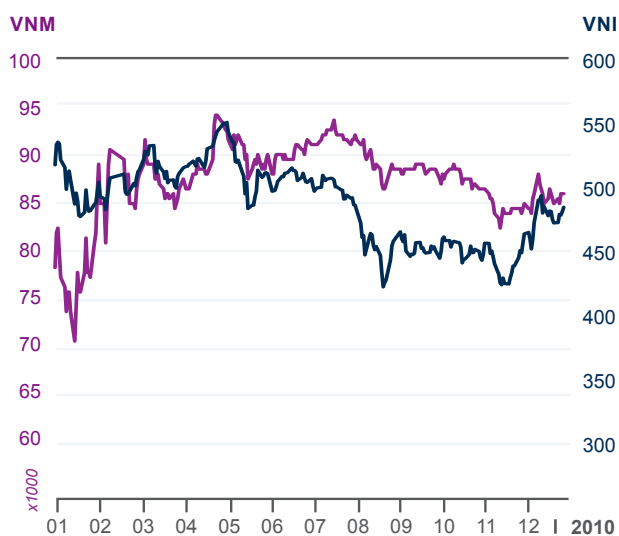
- Vinamilk là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm dinh dưỡng với hơn 150.000 điểm bán hàng trên toàn quốc. Với 5 dòng sản phẩm chính là Nhóm Sữa Bột và Bột Dinh Dưỡng; Nhóm Sữa Đặc; Nhóm Sữa Tươi; Nhóm Sữa Chua, kem và phô mai; và nhóm nước ép, sữa đậu nành, Vinamilk có ưu thế vượt trội các đối thủ trong ngành về quy mô và sản lượng.
- Chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu là Nhóm Sữa Nước, ước khoảng 35%; Nhóm Sữa Đặc ước khoảng 25%; Nhóm Sữa Bột khoảng 20% và Nhóm Sữa Chua chiếm khoảng 18%.
- Là doanh nghiệp tuân thủ tốt các yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm.

TRIỂN VỌNG

- Mức tăng trưởng doanh thu trung bình trong 2 năm vừa qua 2008 – 2009 là trên 26%, ước tính tăng trưởng doanh thu năm 2010 có thể đạt trên 30%. Trong tương lai, với tiềm năng từ nhu cầu người tiêu dùng (gần 90 triệu dân), vị thế của Vinamilk cũng như các chiến lược về sản phẩm và các chuẩn mực về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm được chứng minh trên thị trường tiêu dùng trong nhiều năm qua, thêm vào một tiềm lực tài chính mạnh và chiến lược tiếp thị táo bạo, sự tăng trưởng của Vinamilk được kỳ vọng là nhanh và bền vững trong tương lai.
- Vinamilk là một thương hiệu được tin tưởng sử dụng trong 34 năm qua, do đó thúc đẩy Vinamilk tập trung mạnh vào hoạt động chính cho mục đích củng cố và phát triển thương hiệu ngày một vững mạnh tại Việt Nam cũng như trong khu vực.

Chỉ tiêu	2010 (*)	2009
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	30.208,81	26.344,89
Doanh thu (tỷ đồng)	14.171,06	10.613,77
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3.372,95	2.376,06
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	23,80	22,40
ROE (%)	45,30	42,70
Tăng EPS (%)	42,00	90,10
P/E (x)	8,96	11,09
P/B (x)	3,58	4,08
Tỷ suất cổ tức (%)	3,49	4,00

(*) Ước tính của VFM



Biểu đồ biến động giá cổ phiếu VNM so với VNI năm 2010



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Giai đoạn xấu nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã đi qua nhưng những ảnh hưởng và tác động của đợt khủng hoảng này vẫn còn gây nhiều khó khăn, khiến nền kinh tế toàn cầu nói chung, và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng trong vòng một năm qua phải trải qua nhiều thăng trầm. Sự tăng giảm bất ổn của thị trường chứng khoán Việt Nam làm cho việc định hướng hoạt động đầu tư của các Quỹ thêm khó khăn cũng như những quyết định thanh toán, giải ngân trong từng giai đoạn thị trường đòi hỏi phải có nhiều cân nhắc kỹ lưỡng.

Trước các khó khăn và thử thách này, các thành viên Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 cùng Ban Điều hành Quỹ đã định hướng cho các hoạt động đầu tư một cách cẩn trọng cũng như xác định định hướng đầu tư cho Quỹ nhằm đảm bảo được sự tăng trưởng ổn định và tối ưu nhất cho nhà đầu tư.

Cơ cấu Ban Đại diện

Đại hội Nhà đầu tư Thường niên 2009 được tổ chức vào ngày 25/03/2010, toàn bộ Ban Đại diện đã được bầu chọn lại, trong đó có hai thành viên mới là ông Lưu Đức Khánh, thành viên Hội Đồng Quản Trị từ Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Tp.HCM (HD Bank) tham gia với tư cách chủ tịch Ban Đại diện, và bà Nguyễn Bội Hồng Lê từ Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam. Bà Hồng Lê tham gia ứng cử với tư cách là thành viên độc lập. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ông Khánh và bà Lê đã góp phần tăng cường sức mạnh cho Ban Đại Diện Quỹ đầu tư VF1. Vì điều kiện công tác xa và lý do cá nhân, ông Nguyễn Thanh Hùng, Chủ tịch Ban Đại diện và bà Huỳnh Quế Hà, Phó Chủ tịch xin miễn nhiệm khỏi Ban Đại diện Quỹ.

GIỚI THIỆU BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



Ông Lưu Đức Khánh
Chủ tịch

Ông Lưu Đức Khánh

- Thạc sĩ Trường ĐH New England – (Úc) năm 1996.
- Thành viên HĐQT Tập đoàn Sovico Holdings từ 2009 đến nay.
- Tổng Giám Đốc Điều hành Tập đoàn Sovico Holdings (2008-2009).
- Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP An Bình, Phó TGD Ngân hàng Techcombank, Giám Đốc chiến lược ngân hàng HSBC, ngân hàng Vietcombank...
- Thành viên Hội Doanh nhân Sài Gòn, Câu Lạc Bộ CEO Việt Nam...



Ông Lê Văn Phú
Thành viên



Ông Đặng Thái Nguyên
Thành viên

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê

- Kỹ sư Hóa dầu (hạng xuất sắc) từ trường Đại học Dầu khí Bacow, Liên Xô cũ năm 1988.
- Cử nhân trường ĐH Tài chính Ngân hàng năm 2005.
- Phó phòng Marketing, Công ty Kinh doanh & Chế biến Dầu mỡ nhờn (VIDAMO), trực thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
- Đại diện tại Chi nhánh phía Bắc Công ty Xuất nhập khẩu Dầu khí, nay là Công ty Thương mại Kỹ thuật & Đầu tư PETEC, Tp. Hồ Chí Minh.
- Phó phòng phụ trách Quản lý & Kinh doanh các sản phẩm đầu tư, trực thuộc Ban Đầu tư, Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí VN.
- Trưởng phòng Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí VN (2006 - nay).



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
Phó Chủ tịch



Ông Hoàng Kiên
Thành viên



Ông Phan Minh Tuấn
Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ TRONG NĂM 2010

Trong năm 2010, Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 đã tổ chức bốn phiên họp định kỳ, trong đó thông qua các nội dung quan trọng trong công tác định hướng và giám sát các hoạt động của Quỹ.



Họp Ban Đại Diện Quỹ ngày 13/05/2010

Kết thúc Quý I/2010, Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 tổ chức phiên họp định kỳ tại Đà Nẵng vào ngày 13/05/2010. Trong lần họp này, Ban Đại diện đã thông qua báo cáo tình hình hoạt động Quỹ đầu tư VF1 trong Quý I/2010, tháng 4/2010 và kế hoạch hoạt động Quý II/2010.

NAV của Quỹ đầu tư VF1 vào ngày 31/03/2010 đạt 25.330 đ/ccq, tăng 2,1% so với đầu năm 2010 (so với mức tăng YTD của VN-Index là 0,9% và HNX-Index là -4,5%). Hơn nữa, sự phân bổ ngành nghề và cơ cấu tài sản hợp lý trong danh mục đã giúp NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt tăng trưởng tốt trong 3 tháng đầu năm 2010. Trong tháng 4/2010, NAV của Quỹ đầu tư VF1 tăng trưởng 7,0% so với tháng 3/2010 và đạt 2.710,7 tỷ đồng tương đương với 27.107 đồng/ccq. Quỹ đầu tư VF1 đã hoàn thành kế hoạch trả cổ tức 10% đợt 2 năm 2009 và tạm ứng 5% đợt 1 năm 2010 cho nhà đầu tư. Nhằm định hướng ổn định sự tăng trưởng bền vững của Quỹ đầu tư VF1, các thành viên trong Ban Đại diện cũng cân nhắc thận trọng về định hướng hoạt động của Quỹ trong Quý II/2010. Tất cả các thành viên đã thống nhất như sau:

- Duy trì mức tăng trưởng NAV quanh mức tăng trưởng VN-Index.
- Tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết, giảm tỷ trọng cổ phiếu OTC, tăng tỷ trọng tiền mặt.

- Tận dụng cơ hội biến động thị trường thực hiện giao dịch mua/bán gia tăng lợi nhuận cho danh mục.
- Tỷ lệ tiền mặt duy trì linh hoạt tùy theo diễn biến của thị trường.
- Tăng tỷ trọng nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (mid-cap), giảm tỷ trọng cổ phiếu blue-chip, ngoài ra xem xét xây dựng lại danh mục trái phiếu theo hướng của Quỹ đầu tư cân bằng.

Tại kỳ họp ngày 13/07/2010, Ban Điều hành Quỹ đã tổ chức buổi thảo luận về tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam với thành phần tham dự là toàn thể các thành viên Ban Đại diện các Quỹ cùng trao đổi với Tiến sĩ Trần Hoàng Ngân, thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia. Buổi thảo luận xoay quanh việc định hướng, nhận định về tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới. Hoạt động này sẽ được tiếp tục duy trì nhằm hỗ trợ cho việc đánh giá thị trường để đưa ra định hướng đầu tư hợp lý.



Buổi thảo luận với Tiến sĩ Trần Hoàng Ngân ngày 13/07/2010

Các thành viên cũng thông qua các báo cáo tình hình hoạt động Quỹ đầu tư VF1 Quý II/2010 và kế hoạch hoạt động Quý III/2010 của Quỹ đầu tư VF1. Sự phân bổ ngành nghề và cơ cấu tài sản hợp lý trong danh mục đã giúp NAV của Quỹ đầu tư VF1 một lần nữa đạt tăng trưởng tốt trong 6 tháng đầu năm 2010. Nhờ bám sát được chiến lược đầu tư đã được toàn thể các thành viên trong Ban Đại diện Quỹ thông qua trong lần họp trước, lãi ròng QII/2010 đạt 57,4 tỷ đồng, cao hơn lãi/ lỗ của QI/2010 mặc dù TTCK có xu hướng đi ngang suốt QII/2010. Trong kỳ họp này, Ban Đại diện cũng thông qua phương pháp xác định giá trị chứng khoán trên sàn UPCOM cũng như thông qua đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán PwC cho Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2010.

Trong giai đoạn thị trường có những biến động tăng/giảm khó lường, e ngại có những ảnh hưởng đến NAV của Quỹ, Ban Đại diện cùng Ban điều hành Quỹ đã phân tích, đánh giá, nhận định và đặt ra các tiêu chí lựa chọn đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1 như (a) Công ty có quản trị tốt, minh bạch về tài chính (b) Công ty có hoạt động chính tốt, ổn định hoặc (c) Cổ phiếu đang bị đánh giá thấp hơn giá trị nội tại (undervalued assets) (d) Cổ phiếu có tính thanh khoản cao.

Vào ngày 21/10/2010, tại Hà Nội, Ban Điều hành Quỹ cùng các thành viên trong Ban Đại diện Quỹ tổ chức phiên họp định kỳ phối hợp với buổi thảo luận chung chuyên đề về bức tranh kinh tế thế giới và Việt Nam với khách mời vinh dự là Tiến sĩ Võ Trí Thành, Phó Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương.



Buổi thảo luận với Tiến sĩ Võ Trí Thành ngày 21/10/2010



Hội Ban Đại Diện Quỹ ngày 21-22/10/2010

Buổi thảo luận này đã được tổ chức thành công nhờ sự đóng góp ý kiến của các thành viên trong Ban Đại diện các quỹ từ các tổ chức định chế tài chính, đầu tư lớn như ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm...

Theo cập nhật trong báo cáo của hoạt động Quỹ, danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 đang có sự chuyển biến và bám sát theo Index, nên nếu thị trường có sự chuyển biến tăng tích cực, tình hình hồi phục và tăng trưởng của Quỹ cũng sẽ tốt nhanh hơn. Các thành viên trong Ban Đại diện đã đề nghị Ban điều hành Quỹ, cần liên tục nghiên cứu, cập nhật thông tin và thận trọng xem xét giai đoạn nào nên thực hiện giải ngân/thanh toán, tỷ lệ tiền mặt luôn thật linh hoạt, năng động ngay cả trong giai đoạn thị trường âm ảm.

Các thành viên trong Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 một lần nữa khẳng định trách nhiệm và vai trò của mình trong việc giám sát chặt chẽ vào các hoạt động đầu tư, chiến lược và định hướng hoạt động của Quỹ. Lần họp này, các thành viên cũng đã thông qua các báo cáo tình hình hoạt động Quỹ đầu tư VF1 Quý III/2010 và kế hoạch hoạt động Quý IV/2010 của Quỹ, cũng như kế hoạch chuẩn bị Báo cáo Thường niên và Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2010.



VIETFUND
MANAGEMENT

Tầm nhìn

Là Công ty Quản lý Quỹ hàng đầu Việt Nam với tổng giá trị tài sản quản lý lớn nhất, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Sứ mệnh

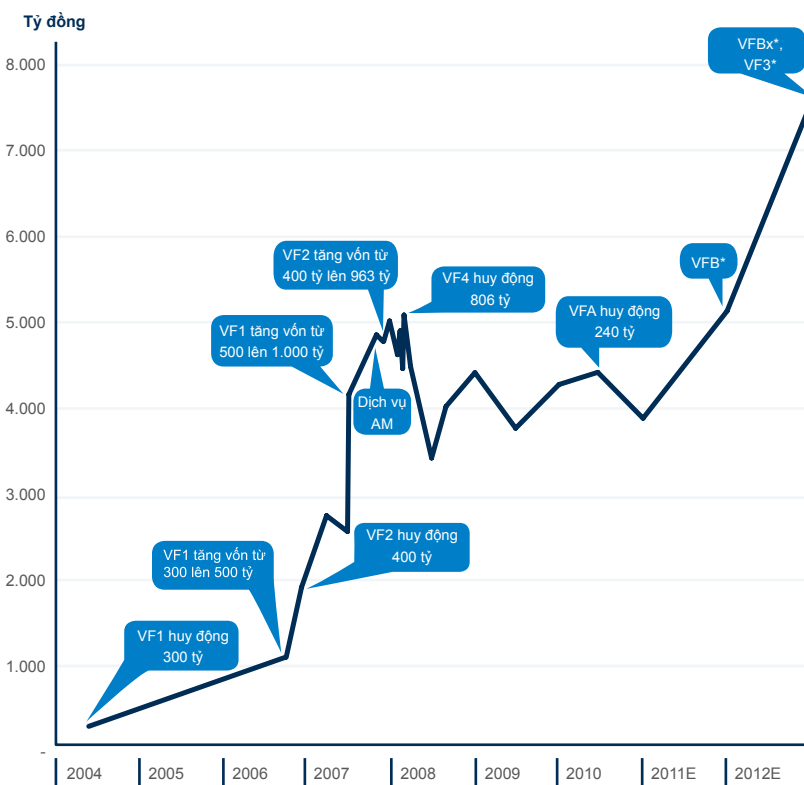
Chúng tôi không ngừng nâng cao giá trị đầu tư thông qua quá trình nghiên cứu chuyên sâu, đầu tư và giao dịch hiệu quả. Ngoài ra, chúng tôi thiết lập và luôn gìn giữ môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, minh bạch dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo, trách nhiệm và tôn trọng văn hóa kinh doanh nhằm hướng đến mục tiêu cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng và hiệu quả nhất cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Phương châm hoạt động

Phương châm hoạt động của chúng tôi là quản trị rủi ro, hướng đến sự phát triển lâu dài và ổn định. Công ty VFM luôn lựa chọn và phát triển danh mục đầu tư hiệu quả với độ rủi ro thấp nhất cho nhà đầu tư. Trong điều kiện thị trường có nhiều biến động, công ty luôn đề ra chiến lược đầu tư rõ ràng và kiên định triển khai những chiến lược này hiệu quả nhất. Ngoài ra, chúng tôi xem việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng và các đối tác trong đầu tư là phương thức giám sát hoạt động công ty và gia tăng giá trị đầu tư hiệu quả nhất.

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY VFM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) là công ty quản lý quỹ trong nước hoạt động đầu tiên tại Việt Nam. Công ty VFM đi đầu trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng và hiệu quả cho Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Được thành lập từ năm 2003, sau 7 năm hoạt động, đến nay chúng tôi đang quản lý 3 quỹ công chúng dạng đóng niêm yết tại Sở GDCK Tp. HCM và một quỹ thành viên với tổng số vốn quản lý ban đầu từ 300 tỷ đồng đã tăng lên đỉnh điểm là hơn **5.000 tỷ đồng**. Công ty có mạng lưới kết nối với hơn **15.000** nhà đầu tư bao gồm các cá nhân và pháp nhân trong và ngoài nước thông qua các quỹ đầu tư và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư.



Biểu đồ tăng trưởng tổng tài sản quản lý

(gồm số vốn huy động và tăng trưởng NAV của các quỹ và dịch vụ qua từng năm).

(*) Các quỹ dự kiến huy động.

Là một tổ chức tài chính tập hợp các nhà đầu tư nhỏ lẻ, đầu tư một cách tối ưu và chuyên nghiệp nhất vào thị trường chứng khoán, hoạt động của công ty quản lý quỹ VFM được xem là thước đo chuẩn cho các hoạt động đầu tư nói chung và góp phần tạo sự ổn định cho TTCK. Đối với nhà đầu tư, tài sản của các quỹ mà chúng tôi đang quản lý đều được báo cáo và định giá (giá trị NAV) dưới sự giám sát chặt chẽ và minh bạch bởi ngân hàng giám sát, Sở Giao dịch Tp.HCM, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty kiểm toán. Từ đó, chúng tôi cam kết mang lại giá trị tăng trưởng ổn định song song với quản trị rủi ro hiệu quả thông qua hai tiêu chí như sau:

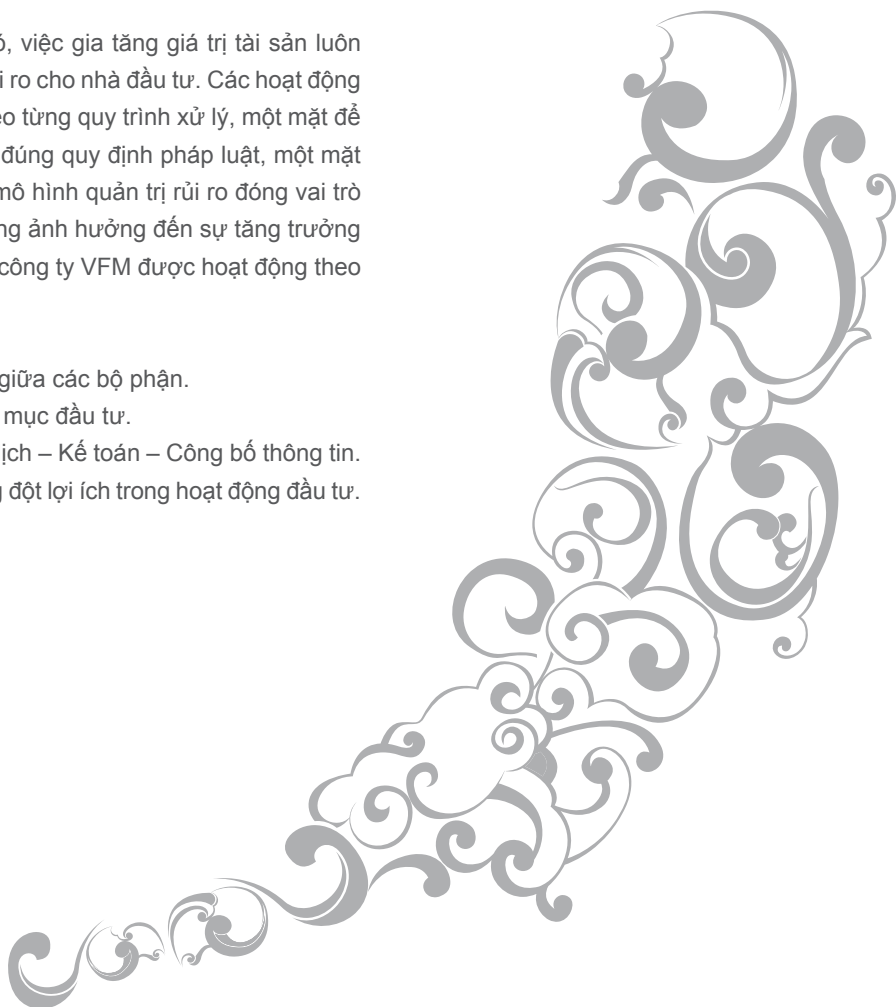
Chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư là hoạt động trọng tâm cốt lõi của công ty VFM mà ở đó chúng tôi tập trung ưu tiên sử dụng nguồn lực tốt nhất, quy trình, kỹ thuật, mô hình tiên tiến để phục vụ công tác đầu tư hiệu quả, chuyên nghiệp. Các định hướng và mục tiêu đầu tư luôn được giám sát chặt chẽ bởi Hội đồng Đầu tư, gồm các thành viên của các vị trí lãnh đạo cấp cao trong Ban Điều hành công ty VFM và công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital (tập đoàn Tài chính Anh Quốc) có kinh nghiệm lâu năm về thị trường tài chính và thị trường vốn trong nước và nước ngoài.

Hiệu quả trong quản trị rủi ro

Trong đầu tư, lợi nhuận luôn đi kèm rủi ro. Do đó, việc gia tăng giá trị tài sản luôn được chúng tôi thực hiện song song với quản trị rủi ro cho nhà đầu tư. Các hoạt động đầu tư được chúng tôi luôn kiểm soát chặt chẽ theo từng quy trình xử lý, một mặt để giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư và vẫn đảm bảo đúng quy định pháp luật, một mặt không hạn chế tính linh hoạt của quỹ. Ngày nay, mô hình quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng nhất là khi thị trường có nhiều biến động ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của các khoản đầu tư. Mô hình quản trị rủi ro của công ty VFM được hoạt động theo quy trình như sau:

1. Chiến lược đầu tư và kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận.
2. Quy định đầu tư của các quỹ, các danh mục đầu tư.
3. Quy trình Nghiên cứu – Đầu tư – Giao dịch – Kế toán – Công bố thông tin.
4. Quy trình xác định và giải quyết các xung đột lợi ích trong hoạt động đầu tư.
5. Quy chế đạo đức nghề nghiệp.
6. Quy trình kiểm soát nội bộ công ty.





HOẠT ĐỘNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2010

Năm 2010 là năm kỷ niệm 10 năm thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam cũng là năm công ty VFM đánh dấu 7 năm một chặng đường hoạt động. Được sự ủng hộ và hỗ trợ tích cực từ phía các cơ quan quản lý như Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, vai trò của công ty quản lý quỹ như công ty VFM trên thị trường dần được nâng cao và đem lại sự ổn định cho thị trường và nhà đầu tư.

Năm 2010 là năm tất cả các ngành nghề trên hầu hết các lĩnh vực đều chịu sự tác động của cuộc hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Bản thân mỗi doanh nghiệp đều nhạy bén chuẩn bị ứng phó với sự thay đổi này và công ty VFM cũng không là trường hợp ngoại lệ. Trong năm qua, công ty VFM đã đề ra các hoạt động chiến lược mới, tập trung vào sự ổn định, liên kết sức mạnh của các đối tác trong ngành chuẩn bị cho sự tăng trưởng khi thị trường hồi phục. Để tiếp tục tham gia cuộc đua đầy thách thức và cạnh tranh phía trước, ngay từ QII/2010, chúng tôi đã đưa ra chương trình tái cấu trúc để có được cơ cấu nhân sự vững mạnh hơn, linh hoạt hơn trong quản lý và tập trung vào hoạt động cốt lõi của công ty. Chương trình này dự kiến kéo dài trong một năm và đến nay cơ bản bước đầu cho thấy ở sự ổn định về mặt cơ cấu nhân sự và hoạt động cốt lõi đang dần được tập trung đẩy mạnh hơn.

Sau nhiều năm hoạt động dưới hình thức công ty liên doanh, chúng tôi nhận thấy việc thay đổi và phát triển mô hình sở hữu và quản trị sao cho phù hợp với tình hình mới là điều cần thiết. Vì vậy, công ty VFM đã mạnh dạn chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và tái cơ cấu sở hữu để giúp công ty có thể thu hút thêm nhân tài, hoạt động linh hoạt hơn trong công tác quản trị chiến lược và quản trị điều hành. Việc mở rộng đối tác chiến lược gồm những tổ chức tài chính lớn và có uy tín trên TTCK sẽ mang lại nhiều lợi thế cạnh tranh hơn cho công ty VFM. Năm 2011 sẽ là năm chúng tôi tăng cường liên kết với các đối tác chiến lược, tận dụng nguồn lực tập trung, kinh nghiệm lâu năm, uy tín trên thị trường tài chính trong nước và nước ngoài của công ty Dragon Capital, cùng với sự duy trì đóng góp của Sacombank (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín). Tất cả hội tụ thành sức mạnh tổng lực góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động và cho sự phát triển của công ty VFM trong những năm tiếp theo.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2012

Trong giai đoạn 2011 – 2012, sau chương trình tái cấu trúc công ty, chúng tôi tiếp tục thực hiện các mục tiêu chính như sau:

Cơ cấu nguồn nhân lực trọng yếu

Tiếp theo trong chương trình tái cấu trúc, đầu tiên chúng tôi xác định cơ cấu nguồn nhân lực trọng yếu mà ở đó chúng tôi xây dựng những nhân viên chủ chốt cho từng chức năng hoạt động của công ty nhằm tinh gọn bộ máy nhân sự. Nguồn lực chính này sẽ là những hạt giống để phát triển đội ngũ và số lượng nhân sự cần thiết để vận hành, phục vụ cho tất cả các mảng hoạt động của công ty.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Để gìn giữ và phát huy thành quả mà công ty VFM đã xây dựng trong thời gian qua, ngay từ khi mới hoạt động, công ty đã đề cao và chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực và chuyên môn cao phục vụ cho hoạt động chung của công ty và riêng cho mảng hoạt động đầu tư. Từ đó, công ty VFM không ngừng tập trung tìm kiếm những nhân sự xuất sắc, mặt khác đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn và hoạch định cụ thể cơ hội phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân trong tương lai, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực nội tại sẽ giúp cho sự phát triển chung và tạo cho công ty VFM có lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Đầu tư nghiên cứu các sản phẩm chuyên biệt

Cung cấp các sản phẩm quý đa dạng chính là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của công ty VFM. Do đó, với nguồn lực ổn định và sự hậu thuẫn vững mạnh về bề dày hoạt động và kinh nghiệm thị trường của công ty Dragon Capital, trong hai năm tới, công ty VFM sẽ tập trung nghiên cứu các sản phẩm quý và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đa dạng phục vụ cho nhu cầu đầu tư khác nhau của từng cá nhân và tổ chức. Trước mắt, chúng tôi hướng tới mục tiêu cho ra đời sản phẩm quý mở đầu tiên trên thị trường ngay khi thông tư hướng dẫn về cơ chế hoạt động quý mở được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính thông qua kế hoạch chấp thuận trong năm 2011.



QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

Công ty VFM là công ty quản lý Quỹ tiên phong trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với cốt lõi hướng đến giá trị lợi nhuận bền vững lâu dài. Ra đời trong thời gian sơ khai của TTCK Việt Nam, những sản phẩm Quỹ đầu tư do công ty VFM quản lý đã thực sự thu hút được sự quan tâm tham gia của rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hơn thế nữa, các Quỹ do công ty VFM quản lý đã đáp ứng được nhu cầu đầu tư đa dạng của nhiều nhà đầu tư qua những tiêu chí đầu tư khác nhau.



Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)

Quỹ cân bằng, với mục tiêu đầu tư đa dạng, cân đối nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ. Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (SGDCK TP.HCM) từ tháng 11/2004 và đến nay đã thu hút hơn 10.000 nhà đầu tư tham gia.



Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)

Quỹ thành viên thành lập từ các tổ chức tài chính và công ty lớn của Việt Nam và quốc tế từ tháng 12/2006. Mục tiêu của quỹ là tối ưu hóa các cơ hội đầu tư tăng trưởng cao từ quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân, các ngành có tiềm năng tăng trưởng, các công cụ tài chính mới. Quỹ được sự tham gia của 15 tổ chức là các định chế lớn trong và ngoài nước.

Công ty VFM hiện là công ty quản lý quỹ duy nhất trên TTCK Việt Nam đang quản lý 3 trong số 5 quỹ đại chúng được niêm yết tại SGDCK TP.HCM. Chúng tôi sẽ tiếp tục không ngừng nghiên cứu, cho ra đời những sản phẩm mới nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư, đồng thời khẳng định tính chuyên nghiệp, vị thế và chiến lược xuyên suốt của công ty VFM.



Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)

Quỹ “Blue-chips”, với mục tiêu đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Quỹ được niêm yết tại SGDCK TP.HCM từ tháng 6/2008 và đến nay đã có hơn 4.000 nhà đầu tư tham gia.



Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)

Quỹ năng động đầu tiên sử dụng mô hình Phân tích định lượng (Quant) để thực hiện các chiến lược đầu tư trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Quỹ được niêm yết tại SGDCK TP.HCM từ tháng 8/2010.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

Là một trong những Công ty Quản lý quỹ đầu tiên trên thị trường Việt Nam cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, với phương châm mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng. Tại công ty VFM, chúng tôi đã thiết kế những sản phẩm dành riêng cho các tổ chức và cá nhân có khối lượng tài sản lớn, với những chiến lược đầu tư chuyên biệt theo yêu cầu thông qua sự trao đổi, tư vấn, phân tích cho từng đối tượng đầu tư. Dịch vụ chuyên biệt này là một trong những dịch vụ được công ty tập trung đẩy mạnh phát triển trong thời gian qua và đã đạt được kết quả bước đầu khá ấn tượng với tổng tài sản quản lý hơn 500 tỷ đồng. Các khách hàng của dịch vụ này là những công ty bảo hiểm, các tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước và đã được khách hàng đánh giá cao về chất lượng dịch vụ cũng như hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng.

Chiến lược đầu tư năng động hướng tới việc đem lại lợi nhuận đầu tư tốt hơn lợi nhuận trung bình của thị trường hoặc một mức kỳ vọng được nhà đầu tư xác định trước. Chúng tôi năng động tìm kiếm những cơ hội đầu tư tốt nhất phù hợp với chiến lược đầu tư riêng biệt của từng đối tượng đầu tư,

và lập chiến lược giao dịch tập trung vào các khoản đầu tư. Nhà đầu tư có thể lựa chọn cho mình một danh mục đầu tư phù hợp với mục tiêu lợi nhuận kỳ vọng tương ứng với mức chấp nhận rủi ro trong số danh mục đầu tư tiêu chuẩn được đặt ra trước. Bên cạnh đó, tài sản của nhà đầu tư được đội ngũ cao cấp của chúng tôi quản lý một cách nghiệp nghiệp, cẩn trọng, bảo mật và minh bạch. Hoạt động của danh mục nhà đầu tư được cập nhật định kỳ và thường xuyên có buổi trao đổi trực tiếp với các chuyên gia của Công ty VFM.

Chúng tôi đánh giá rất cao về tiềm năng phát triển của sản phẩm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư trong thời gian tới khi thị trường chứng khoán dần đi vào ổn định. Việc đầu tư không những đòi hỏi phải am hiểu thị trường, có kiến thức vững chắc mà còn cần đầu tư nhiều thời gian mới có thể đạt được những kết quả mong muốn. Vì vậy, chúng tôi luôn tự tin rằng với đội ngũ chuyên nghiệp, lãnh đạo tâm huyết giàu kinh nghiệm, lòng đam mê và tận tụy cao cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại, chúng tôi sẽ giúp các nhà đầu tư hoạch định ra những giải pháp hữu hiệu nhằm quản lý tài sản của quý vị một cách hiệu quả nhất.



TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Trong hơn 7 năm kể từ khi bắt đầu đặt nền tảng đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho đến nay, công ty VFM đã nghiên cứu và giới thiệu với nhà đầu tư 4 sản phẩm quỹ (VF1, VF2, VF4 và VFA) với mục tiêu, chiến lược và phương pháp đầu tư đa dạng, nhằm nắm bắt các xu hướng và cơ hội đầu tư tiềm năng của từng giai đoạn phát triển của thị trường và cùng nhiều loại sản phẩm quản lý danh mục đầu tư chuyên biệt đáp ứng nhu cầu đa dạng và khắt khe hơn của nhà đầu tư.

Công ty VFM đang và sẽ tiếp tục cho ra đời nhiều sản phẩm ưu việt khác áp dụng các mô hình hoạt động mới, mô hình đầu tư tiên tiến nhằm đa dạng và tối ưu hóa nguồn vốn của nhà đầu tư. TTCK Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mới để hòa nhập vào thị trường tài chính quốc tế khi các sản phẩm quỹ đóng sẽ dần được thay thế và chuyển hoá bằng các sản phẩm quỹ mở, linh hoạt và tiện ích hơn cho nhà đầu tư. Công ty VFM đã chuẩn bị sẵn sàng là một trong những đơn vị đầu tiên giới thiệu sản phẩm quỹ mở, chuyên biệt và đa dạng hoá những mô hình đầu tư với các kỹ thuật tiên tiến trên thế giới (như Quỹ trao đổi thị trường (ETF), công cụ phái sinh, Quỹ tín thác Bất động sản (REITS), v.v...) đang được xem là hướng đi mới cho nhà đầu tư trong giai đoạn 2011-2015, khi điều kiện pháp lý cho phép.



Đồng thời, để cùng bước với các doanh nghiệp trong việc giữ chân nhân tài, Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam sẽ được công ty VFM thiết kế chuyên biệt với mục tiêu hỗ trợ chăm lo cho tương lai nguồn nhân lực. Chúng tôi cung cấp một sản phẩm kết hợp khả năng thanh khoản vốn và thu nhập trong tương lai nhằm bảo vệ người lao động khỏi sự sụt giảm phúc lợi xã hội và mang lại khả năng có được mức thu nhập đảm bảo cuộc sống trong những năm hưu trí sau này.

Thế mạnh của công ty VFM chính là có được đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp, nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính, có đạo đức và minh bạch. Là thành viên thuộc công ty Dragon Capital, chúng tôi nhận được hỗ trợ rất lớn từ kỹ thuật và kinh nghiệm của các chuyên gia hàng đầu của Dragon Capital, sự cộng tác chặt chẽ với thành viên trong tập đoàn là Công ty chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSC), một công ty chứng khoán hàng đầu hiện nay, với những sản phẩm nghiên cứu có chất lượng và những cơ hội đầu tư tốt. Quan trọng hơn hết chính là chúng tôi đã xây dựng một quy trình đầu tư và giám sát nghiêm ngặt nhằm đảm bảo cho các khoản đầu tư tuân thủ đúng các chiến lược đầu tư đề ra, kiểm soát rủi ro và tránh những xung đột về mặt lợi ích giữa các tài sản quản lý và các thành viên trong Tập đoàn.

Công ty VFM luôn nỗ lực không ngừng nghiên cứu và phát triển để tạo ra những sản phẩm đa dạng cho nhà đầu tư với mục tiêu vì lợi ích nhà đầu tư và khẳng định là một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TRONG NĂM 2010

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM

Năm 2010 là năm diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt trong đó nổi bật là sự kiện kỷ niệm 10 năm thành lập TTCK Việt Nam. Đi cùng với sự phát triển của thị trường, công ty VFM là một trong những thành viên có hoạt động tích cực đóng góp cho TTCK trong thời gian qua như cung cấp sản phẩm đa dạng cho thị trường và nhà đầu tư, có hoạt động đầu tư minh bạch và công khai... Những yếu tố đó đúc kết tạo thành vị thế hàng đầu của công ty VFM trên TTCK Việt Nam ngày hôm nay.



Ông Trần Thanh Tân vinh dự đón nhận bằng khen cho những đóng góp tích cực trên TTCK năm 2010 do Ông Vũ Bằng - Chủ tịch UBCKNN - trao tặng.



Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc công ty VFM nhận kỷ niệm chương tôn vinh các doanh nghiệp tiêu biểu trong bảng xếp hạng V1000.



Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng Giám đốc công ty VFM nhận giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010 của UBCKNN.



Biểu tượng công ty VFM đặt tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Trong năm qua, Ban Từ Thiện bao gồm các nhân viên công ty VFM tình nguyện bỏ công góp sức tiếp nối thực hiện tham gia các hoạt động xã hội trong năm. Sau đây là các hoạt động tiêu biểu:

Chương trình từ thiện hướng về Miền Trung

Tháng 11 vừa qua, công ty VFM - một trong những đại diện của các đơn vị tài trợ trong chương trình “**Nhịp cầu nhân ái nối vạn tấm lòng đến với Hương Khê**” đã trực tiếp đến trao tặng từng phần quà cho bà con vùng lũ Hương Khê – Hà Tĩnh, là nơi nằm trong vùng rốn lũ bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Qua những chuyến xe đầy ắp nghĩa tình mang theo những tấm lòng nhân ái của người dân thành phố, chúng tôi đã đến các huyện, xã gồm Lộc Yên, Hương Đô và Phúc Đồng và 2 trường tiểu học Hương Lộc và Long Giang. Do đã liên hệ trước với từng địa bàn, nên công tác tổ chức bình bầu, phát phiếu và huy động bà con, huy động lực lượng dân quân bảo vệ ... đều được các xã tổ chức chu đáo. Tổng cộng có 600 suất quà đã được trao đầy đủ, tận tay cho 600 hộ gia đình của 3 xã nói trên. Bình quân mỗi suất quà trị giá hơn 280.000 đồng, bao gồm tiền mặt, gạo, xà phòng, áo quần, chăn ấm.



Chương trình được các xã phối hợp tổ chức chu đáo...



...và 600 suất quà được trao đầy đủ, tận tay đến bà con xã Lộc Yên,...

Đến hai trường tiểu học, mặc dù là ngày Thứ Bảy, học sinh nghỉ học. Cảm động thay khi biết rằng các em vẫn túc trực, không dám về, và nhắn bố mẹ mang cơm đến ăn hoặc gặm mì tôm qua bữa để chờ nhận món quà nghĩa tình. Điều đó như thôi thúc các thành viên trong đoàn, quên hết mệt mỏi, quên cả cái đói, thoãn thoắt chuyển hàng, đóng gói. Gần 250 suất quà (hơn 200.000đ/suất) cho học sinh đã sẵn sàng. Những ánh mắt trẻ thơ rạng ngời hẳn lên khi lần đầu tiên có được một bộ quần áo mới, đôi dép mới.



...và nỗi vui sướng ngập tràn trong từng ánh mắt trẻ.

Chương trình chạy bộ từ thiện Terry Fox Run

Tiếp tục hưởng ứng chương trình chạy bộ hàng năm Terry Fox Run do lãnh sự quán Canada tổ chức, vào đầu tháng 11/2010 vừa qua, toàn thể nhân viên công ty VFM và gia đình đã nhiệt tình tham gia để quyên góp cho Quỹ nghiên cứu bệnh ung thư. Đây là năm thứ 4 liên tiếp công ty VFM tham gia sự kiện này, sự kiện được xem như là dịp để mọi người không chỉ đóng góp vào việc từ thiện mà còn là dịp để rèn luyện thể chất lành mạnh cùng với tất cả thành viên trong gia đình, nhân viên trong công ty với nhau.



Nhịp cầu yêu thương

Ngày 25/1/2010, trong không khí chuẩn bị đón xuân mới, UBND xã Tân Bình tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức khánh thành hai cây cầu bê tông khung trang mang tên cầu Tám Để và cầu Chính Nhánh, xóa bỏ dần những cây cầu khỉ nguy hiểm ở vùng nông thôn. Kinh phí này được trích từ quỹ từ thiện do cán bộ công nhân viên công ty VFM và một số mạnh thường quân đóng góp. Hai cây cầu đã được hoàn thành sau hơn một năm xây dựng. Với chiếc cầu mới này, chúng tôi mong muốn từ nay hai bên bờ sẽ được nối nhịp, người dân trong xã được qua lại thuận tiện hơn và nhanh chóng hơn, đặc biệt là các em thơ sẽ đến trường an toàn hơn trong những mùa mưa bão.



Nuôi dưỡng mầm non Bé Thơ

Trong những ngày bận rộn cuối năm Canh Dần, cùng chung tay góp sức cùng với các ma-sơ chăm sóc các trẻ em khuyết tật, mồ côi kém may mắn ở mọi độ tuổi tại Trung tâm Khuyết tật Bé Thơ, thuộc khu công nghiệp Amatar, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nhân viên công ty VFM đã đến thăm hỏi và gửi những phần quà thiết thực đến cho các em nhân dịp xuân về. Hy vọng rằng những tấm lòng hảo tâm này sẽ giúp các em đón một cái Tết vui vẻ và cầu mong các em luôn được che chở và sống yên bình trong tình yêu thương ấm áp của các ma-sơ.



Hoạt động chăm sóc nhà đầu tư

Hoạt động chăm sóc nhà đầu tư (IR) luôn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công ty VFM trong việc xây dựng chiến lược hoạt động và phát triển lâu dài, giúp tăng cường niềm tin của các nhà đầu tư đối với các quỹ do công ty VFM quản lý.

Hoạt động báo cáo - công bố thông tin về tình hình hoạt động quỹ

Công ty VFM đã định kỳ thực hiện công bố các tin tức, thông cáo báo chí cũng như các báo cáo về kết quả hoạt động đầu tư các quỹ và gửi đến nhà đầu tư thông qua hình thức gửi thư điện tử (email), trang web công ty (website) và thông qua các công ty chứng khoán.

STT	Tên báo cáo	Thời gian báo cáo	Hình thức báo cáo
1	Báo cáo NAV tuần	Thứ Hai hàng tuần	
2	Báo cáo NAV tháng	5 ngày làm việc của tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc tháng	Gửi thư điện tử, đăng trên trang web
3	Điểm tin tháng		
4	Bản tin Quý	30 ngày làm việc của tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc quý	Gửi thư điện tử, đăng trên trang web, gửi thư bằng đường bưu điện
5	Báo cáo tài chính kiểm toán	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Đăng trên trang web
6	Báo cáo thường niên	10-15 ngày làm việc trước ngày họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên	Gửi thư điện tử, đăng trên trang web, gửi thư bằng đường bưu điện

Nếu nhà đầu tư chưa nhận được báo cáo, vui lòng:

- Truy cập trang web tại Mục Quan hệ nhà đầu tư
- Đăng ký nhận báo cáo thông qua website tại mục “Nhận bản tin của chúng tôi”
- Gửi email về địa chỉ ir@vinafund.com với các nội dung sau:

Họ và tên:	Điện thoại:	
Địa chỉ liên hệ:	Email:	
Đăng ký nhận báo cáo:	Theo địa chỉ bưu điện: <input type="checkbox"/>	Theo địa chỉ email: <input type="checkbox"/>

Cũng thông qua website với trang Quan hệ nhà đầu tư, địa chỉ email ir@vinafund.com, và đường dây nóng (08) – 3825 1480, công ty VFM đã kịp thời giải đáp những thắc mắc, cũng như tiếp nhận và phúc đáp những câu hỏi của nhà đầu tư về các chỉ tiêu tài chính, kết quả hoạt động, các thông tin liên quan đến chứng chỉ quỹ, cổ tức... Những chia sẻ góp ý từ các nhà đầu tư góp phần quan trọng giúp công ty VFM tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ, góp phần giải đáp thông tin và minh bạch hóa các thông tin của quỹ, đồng thời giúp hỗ trợ quyết định của các nhà đầu tư tiềm năng.

Hoạt động & sự kiện

Ngày 23/03/2010, 25/03/2010 và 30/03/2010, công ty VFM lần lượt tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2009 của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4), Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) và Quỹ đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam (VF2). Đại hội đã tập hợp đông đảo các nhà đầu tư tham gia, góp ý kiến cũng như chia sẻ thông tin liên quan đến tình hình hoạt động các quỹ và thị trường chứng khoán.



Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ đầu tư VF1 năm 2009



Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ đầu tư VF4 năm 2009

Ngày 15/04/2010, Đại hội Thành lập Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) lần đầu tiên được tổ chức, đánh dấu sự ra đời của quỹ công chúng dạng đóng thứ 3 do công ty VFM quản lý. Đây là quỹ công chúng sử dụng hình thức mô hình đầu tư phân tích định lượng đầu tiên tại Việt Nam nhằm nắm bắt các cơ hội đầu tư khi thị trường phục hồi sau giai đoạn khủng hoảng. Vào ngày 09/08/2010, Quỹ đầu tư VFA bắt đầu chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE).



Đại hội Thành lập Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)



Lễ niêm yết Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)

Chi trả cổ tức Quỹ đầu tư VF1 và VF4

- Thanh toán cổ tức đợt 2/2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 bằng tiền mặt cho nhà đầu tư Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ 15% mệnh giá vào ngày 12/05/2010 (theo danh sách nhà đầu tư chốt vào ngày 20/04/2010).
- Thanh toán cổ tức đợt 2/2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 bằng tiền mặt cho nhà đầu tư Quỹ đầu tư VF4 theo tỷ lệ 10% mệnh giá vào ngày 12/05/2010 (theo danh sách nhà đầu tư chốt vào ngày 20/04/2010).

Kế hoạch chăm sóc Nhà đầu tư năm 2011

Năm 2011, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được tăng cường nhân sự và thực hiện các mục tiêu:

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng chương trình Quản trị quan hệ nhà đầu tư.
- Định kỳ cung cấp thông tin cập nhật về kết quả hoạt động của các quỹ đến nhà đầu tư.
- Phối hợp với các công ty chứng khoán tăng cường tổ chức các buổi gặp gỡ, hội thảo nhằm tạo cầu nối trao đổi thông tin hai chiều, liên tục giữa công ty VFM và nhà đầu tư các quỹ. Công tác này nhằm giải quyết các ảnh hưởng không tốt đến giá giao dịch của các chứng chỉ quỹ như: thông tin không đầy đủ, thông tin không rõ ràng và thông tin đến sai đối tượng.

Lịch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Thường niên các Quỹ năm 2010:

THÁNG 3 - 2011				
01/03/2010	02/03/2010	03/03/2010	04/03/2010	
		Công ty VFM gửi thư mời tham dự đại hội và Báo cáo thường niên đến Nhà đầu tư		
07/03/2010	08/03/2010	09/03/2010	10/03/2010	11/03/2010
Nhà đầu tư thực hiện việc xác nhận đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư 2010 bằng cách gọi điện về số 08 – 3825 1488 hoặc ủy quyền trong trường hợp vắng mặt bằng cách gửi fax về số 08 – 3825 1489.				
14/3/2010	15/3/2010	16/3/2010	17/3/2010	18/3/2010
Nhà đầu tư thực hiện việc xác nhận đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư 2010 bằng cách gọi điện về số 08 – 3825 1488 hoặc ủy quyền trong trường hợp vắng mặt bằng cách gửi fax về số 08 – 3825 1489.				
21/03/2011	22/03/2011	23/03/2011	24/03/2011	25/03/2011
	Quỹ đầu tư VF1 Đại hội Nhà đầu tư 2010 Phòng Hoa Sen, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM		Quỹ đầu tư VF4 Đại hội Nhà đầu tư 2010 Phòng Hoa Sen, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM	
28/03/2011	29/03/2011	30/03/2011	31/03/2011	
	Quỹ đầu tư VFA Đại hội Nhà đầu tư 2010 Ballroom A, Tầng trệt, Khách sạn Sofitel, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM		Quỹ đầu tư VF2 Đại hội Nhà đầu tư 2010 Ballroom B, Tầng trệt, Khách sạn Sofitel, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM	





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

NỘI DUNG

TRANG

Thông tin chung về Quỹ	53
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	54
Báo cáo của kiểm toán viên	55
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	57
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	59
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	61
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	62
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	63
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	66

THÔNG TIN CHUNG

**Giấy phép phát hành
chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

01/GP-QĐT cấp ngày 24 tháng 3 năm 2004

Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ

01/UBCK-NYQĐT cấp ngày 22 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập

01/UBCK-ĐKQĐT cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.

Ban đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Thanh Hùng
Ông Lưu Đức Khánh
Bà Huỳnh Quế Hà
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
Ông Hoàng Kiên
Ông Phan Minh Tuấn
Ông Lê Văn Phú
Ông Đặng Thái Nguyên

Chủ tịch (từ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Phó Chủ tịch (từ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng sự tiếp tục hoạt động của quỹ là không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được ghi chép đúng đắn và đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm qui định khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 57 đến trang 78. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong niên độ kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Lưu Đức Khánh

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 15 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 57 đến trang 78.

Trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động của Quý trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2659
Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

Tại ngày 31 tháng 12

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
A.	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	142.813.506.433	146.471.377.499
120	2. Đầu tư chứng khoán	3.2	1.976.976.468.686	2.266.372.884.979
121	3. Đầu tư khác		-	81.500.000.000
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	3.3	2.080.506.400	17.790.076.200
131	5. Phải thu khác	3.4	16.725.608.391	15.896.257.889
200	TỔNG TÀI SẢN		2.138.596.089.910	2.528.030.596.567
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		12.328.300.187	48.160.042.446
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	3.5	7.184.788.836	38.036.770.514
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		91.999.996	92.000.000
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.6	3.706.154.663	4.312.825.480
316	4. Phải trả thuế TNDN trên cổ tức	3.7	-	3.985.166.812
318	5. Phải trả khác	3.8	1.345.356.692	1.733.279.640
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.126.267.789.723	2.479.870.554.121
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		2.224.170.820.910	2.224.170.820.910
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp	3.9.1	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	1.2 Thặng dư vốn	3.9.2	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.10	(97.903.031.187)	255.699.733.211
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.138.596.089.910	2.528.030.596.567

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Tại ngày 31 tháng 12

Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chứng khoán theo mệnh giá		497.679.710.000	600.940.930.000



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Niên độ kết thúc ngày

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
A.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư		142.176.696.232	305.232.407.984
11	1. Cổ tức được nhận		67.443.282.226	45.755.232.898
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		6.340.065.000	16.032.254.424
13	3. Lãi tiền gửi		17.212.174.596	16.938.535.078
14	4. Thu nhập bán chứng khoán		47.774.114.974	226.505.685.919
18	5. Thu nhập khác		3.407.059.436	699.665
30	II. Chi phí		53.383.728.016	50.997.609.610
31	1. Phí quản lý Quỹ và thưởng hoạt động	3.12 (i)	47.222.643.954	43.724.806.268
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.12 (ii)	1.946.394.612	1.856.576.787
33	3. Phí Đại hội thường niên		935.800.583	1.901.433.531
34	4. Chi phí kiểm toán		295.749.300	283.742.041
38	5. Phí và chi phí khác	3.11	2.983.139.567	3.231.050.983
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện		88.792.968.216	254.234.798.374

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Niên độ kết thúc ngày

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
			VNĐ	VNĐ
B.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		144.324.651.799	737.508.533.359
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư		144.324.651.799	737.508.533.359
70	II. Chi phí		436.720.384.413	88.844.820.960
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		436.720.384.413	88.844.820.960
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện		(292.395.732.614)	648.663.712.399
90	(Lỗ)/lợi nhuận trong năm		(203.602.764.398)	902.898.510.773



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Tại ngày 31 tháng 12

Mã số	Chi tiêu	2010 VNĐ	2009 VNĐ
1	Tiền	142.813.506.433	146.471.377.499
2	Các khoản đầu tư	1.976.976.468.686	2.347.872.884.979
2.1	Trái phiếu	-	160.523.350.000
2.2	Cổ phiếu	1.975.772.968.686	2.049.758.534.979
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	1.617.484.177.300	1.572.847.332.500
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	358.288.791.386	476.911.202.479
2.3	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	1.203.500.000	56.091.000.000
2.4	Đầu tư khác	-	81.500.000.000
3	Cổ tức được nhận	13.937.191.726	3.023.934.000
4	Lãi được nhận	1.738.416.665	7.822.323.889
5	Phải thu bán chứng khoán	2.080.506.400	17.790.076.200
6	Phải thu khác	1.050.000.000	5.050.000.000
	Tổng tài sản	2.138.596.089.910	2.528.030.596.567
7	Phải trả giao dịch chứng khoán	7.184.788.836	38.036.770.514
8	Phải trả khác	5.143.511.351	10.123.271.932
	Tổng nợ	12.328.300.187	48.160.042.446
	Tài sản ròng của Quỹ	2.126.267.789.723	2.479.870.554.121
9	Tổng số đơn vị quỹ	100.000.000	100.000.000
10	Giá trị của một đơn vị quỹ	21.263	24.799



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
 Bà Hà Thị Thúy Vinh
 Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
 Bà Trương Thị Thúy Nga
 Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
 Bà Lê Thị Thanh Tâm
 Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
 Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Mã số	Chỉ tiêu	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	2.479.870.554.121	1.696.972.043.348
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(353.602.764.398)	782.898.510.773
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quý trong năm	(203.602.764.398)	902.898.510.773
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quý cho các nhà đầu tư trong năm	(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	2.126.267.789.723	2.479.870.554.121



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MẪU SỐ B 07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			1.617.484.177.300	75,63
1	ACB	119.620	25.600	3.062.272.000	0,14
2	BVS	1.380	28.600	39.468.000	0,00
3	BCI	2.016.016	31.300	63.101.300.800	2,95
4	BVH	3.000	64.500	193.500.000	0,01
5	DIG	484.328	41.000	19.857.448.000	0,93
6	DPM	5.203.100	38.000	197.717.800.000	9,25
7	DPR	792.960	68.000	53.921.280.000	2,52
8	FPT	427.270	64.500	27.558.915.000	1,29
9	HAG	1.012.600	81.000	82.020.600.000	3,84
10	HDG	594.100	75.000	44.557.500.000	2,08
11	HPG	1.662.175	38.700	64.326.172.500	3,01
12	IMP	145.000	61.500	8.917.500.000	0,42
13	GMD	1.663.870	33.200	55.240.484.000	2,58
14	LSS	623.020	35.500	22.117.210.000	1,03
15	KSB	1.327.580	62.000	82.309.960.000	3,85
16	KDC	209.090	51.500	10.768.135.000	0,50
17	NTL	2.746.690	64.000	175.788.160.000	8,22
18	PVD	1.886.323	53.000	99.975.119.000	4,67
19	PVX	954.616	22.100	21.097.013.600	0,99
20	QCG	865.400	27.100	23.452.340.000	1,10
21	S96	433.200	32.200	13.949.040.000	0,65
22	SDT	740.000	47.400	35.076.000.000	1,64
23	SJS	3.822.140	61.500	235.061.610.000	10,99
24	SD5	1.153.800	44.500	51.344.100.000	2,40
25	SC5	80.120	38.500	3.084.620.000	0,14
26	TCM	24.346	23.500	572.131.000	0,03
27	TTF	328.185	17.500	5.743.237.500	0,27
28	VCS	202.700	34.600	7.013.420.000	0,33
29	VCG	444.207	24.700	10.971.912.900	0,51
30	VC2	546.400	41.600	22.730.240.000	1,06
31	VNM	794.430	86.000	68.320.980.000	3,19
32	VST	1.115.960	11.800	13.168.328.000	0,62
33	VSC	98.000	63.000	6.174.000.000	0,29
34	VIS	105.800	31.600	3.343.280.000	0,16
35	VMC	718.000	58.600	42.074.800.000	1,97
36	XMC	2.011.000	21.300	42.834.300.000	2,00

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường	Tổng giá trị	Tỷ lệ%/ Tổng giá
			tại ngày 31.12.2010 VNĐ		VNĐ
II	Cổ phiếu chưa niêm yết			358.288.791.386	16,75
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	3.769.466	17.833	67.220.887.178	3,14
2	Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật An Giang	2.866.980	43.500	124.713.630.000	5,83
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	2.178.343	12.533	27.301.172.819	1,28
4	Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	770.000	26.667	20.533.590.000	0,96
5	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	221.638	14.167	3.139.945.546	0,15
6	Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè	550.000	17.600	9.680.000.000	0,45
7	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	321.319	21.667	6.962.018.773	0,33
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	714.600	11.100	7.932.060.000	0,37
9	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 25	300.000	53.833	16.149.900.000	0,75
10	Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam	99.979	18.250	1.824.616.750	0,09
11	Công ty Cổ phần Phát triển A&B	11.922	2.977.560	35.498.470.320	1,66
12	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	1.000.000	18.833	18.833.000.000	0,88
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	1.500.000	12.333	18.499.500.000	0,86
III	Quyền mua cổ phiếu niêm yết			1.203.500.000	0,06
1	Quyền mua IMP	145.000	8.300	1.203.500.000	0,06

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
IV	Các tài sản khác			18.806.114.791	0,88
1	Cổ tức được nhận			13.937.191.726	0,65
2	Lãi phải thu			1.738.416.665	0,08
3	Phải thu bán chứng khoán			2.080.506.400	0,10
4	Phải thu khác			1.050.000.000	0,05
V	Tiền			142.813.506.433	6,68
1	Tiền gửi ngân hàng			142.813.506.433	6,68
VI	Tổng giá trị danh mục			2.138.596.089.910	100,00



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 66 đến trang 78 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24 tháng 3 năm 2004 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 30.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 10 năm theo Quyết định số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/UBCK-NYQĐT ngày 22 tháng 9 năm 2004 của UBCKNN.

Theo Quyết định số 486/QĐ-UBCK ngày 5 tháng 7 năm 2006 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 20.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 50.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 500 tỷ đồng Việt Nam.

Theo Quyết định số 144/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 3 năm 2007 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 50.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 100.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên, Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý và do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam giám sát.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận và/hoặc lãi trên vốn cao nhất nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và cổ phiếu sẽ niêm yết. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhằm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, v.v... qua đó đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư, đồng thời tăng giá trị của các hoạt động đầu tư do Quỹ thực hiện.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/ chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“các Sở Giao dịch Chứng khoán”) vào ngày định giá có liên quan. Chứng khoán chưa niêm yết có giao dịch tại các công ty chứng khoán được đánh giá lại bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cung cấp tại ngày định giá.

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 Vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành.

2.7 Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư đã được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	5.813.506.433	54.471.377.499
2. Tiền gửi có kỳ hạn:		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	20.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	25.000.000.000
Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu	-	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	60.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	30.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa	40.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	7.000.000.000	-
	142.813.506.433	146.471.377.499

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.732.443.523.867	(114.959.346.567)	1.617.484.177.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	382.729.280.577	(24.440.489.191)	358.288.791.386
Quyền mua Cổ phiếu niêm yết	-	1.203.500.000	1.203.500.000
	2.115.172.804.444	(138.196.335.758)	1.976.976.468.686

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2009 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.532.935.742.446	39.911.590.054	1.572.847.332.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	409.237.745.677	67.673.456.802	476.911.202.479
Trái phiếu chính phủ	170.000.000.000	(9.476.650.000)	160.523.350.000
Quyền mua Cổ phiếu niêm yết	-	56.091.000.000	56.091.000.000
	2.112.173.488.123	154.199.396.856	2.266.372.884.979

3.3 Phải thu hoạt động đầu tư

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

3.4 Phải thu khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phải thu lãi trái phiếu	-	7.684.935.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.738.416.665	137.388.889
Phải thu cổ tức	13.937.191.726	3.023.934.000
Phải thu khác (*)	1.050.000.000	5.050.000.000
	16.725.608.391	15.896.257.889

(*) Phải thu khác thể hiện khoản đặt cọc 10% đầu giá mua 1 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.5 Phải trả hoạt động đầu tư

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	6.973.468.000	37.517.280.000
Phí môi giới phải trả	211.320.836	519.490.514
	7.184.788.836	38.036.770.51412

(*) Khoản này thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam và khoản tiền còn phải trả cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel.

3.6 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phí quản lý Quỹ	3.549.956.574	4.146.947.577
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	156.198.089	165.877.903
	3.706.154.663	4.312.825.480

3.7 Phải trả thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cổ tức

Đây là khoản thuế Thu nhập Doanh nghiệp được giữ lại trên cổ tức trả cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Số tiền này được chuyển cho công ty Quản lý Quỹ để làm thủ tục quyết toán thuế.

3.8 Phải trả khác

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.9 Vốn góp của nhà đầu tư

3.9.1 Vốn góp

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn tăng trong năm	-	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

3.9.2 Thặng dư vốn

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Thặng dư vốn đầu năm	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
Thặng dư vốn tăng trong năm	-	-
Thặng dư vốn giảm trong năm	-	-
Thặng dư vốn cuối năm	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.10 Kết quả hoạt động chưa phân phối

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	255.699.733.211	(527.198.777.562)
(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	(203.602.764.398)	902.898.510.773
Cổ tức phân phối trong năm (*)	(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
Số dư cuối năm	(97.903.031.187)	255.699.733.211

(*) Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2009 được tổ chức vào ngày 25 tháng 3 năm 2010 đã thông qua quyết định chi trả bằng tiền mặt cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 10% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 5% cho các nhà đầu tư dựa trên lợi nhuận thực tế của năm 2009 và lợi nhuận thực tế tại thời điểm tổ chức đại hội. Theo đó, Quý tiến hành chi trả cổ tức vào ngày 12 tháng 5 năm 2010 với tổng số tiền là 150 tỷ đồng.

3.11 Phí và chi phí khác

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phí thiết kế, in ấn, gửi thư	275.995.723	339.158.370
Phí họp Ban Đại diện Quỹ	179.519.333	158.473.405
Phí môi giới bán chứng khoán	1.749.090.731	1.927.319.514
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.12(iii))	597.999.996	638.000.000
Chi phí khác	180.533.784	168.099.694
	2.983.139.567	3.231.050.983

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ.

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phí quản lý Quỹ	47.222.643.954	43.724.806.268

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Mức thường hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thường hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong năm không phát sinh phí thường hoạt động (2009 : 0).

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”), ngân hàng giám sát

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	1.946.394.612	1.856.576.787

Quỹ đã chỉ định Vietcombank làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phải không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Theo công văn số 12354/BTC-CST ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), kể từ tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	597.999.996	638.000.000

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	2010	2009
	%	%
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản	92,44	89,65
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản	92,39	81,08
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản	75,63	62,22
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản	16,75	18,86
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản	0,00	6,35
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng tài sản	0,06	2,22
7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản	6,68	5,79
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản	0,00	0,00
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản	-7,02	3,14
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản	2,50	0,17

II. Các chỉ số thị trường

	2010	2009
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq)	100.000.000	100.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối năm	0,322%	0,316%
3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	49,00%	38,00%
4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	21.263	24.799

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MẪU SỐ B 04 - QĐT

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 10 tháng 2 năm 2011, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tăng 62.874.971.649 đồng lên 2.189.142.761.372 đồng so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 2 năm 2011.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Vietfund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quỹ được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý đảm bảo những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



Trụ sở chính:
Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza,
17 Lê Duẩn, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489

Chi nhánh Hà Nội:
Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place,
83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169
Website: www.vinafund.com